

Số: 76/BC-LICOGI 14

Phú Thọ, ngày 12 tháng 05 năm 2021

BÁO CÁO PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ TRẢ CỔ TỨC

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

- Tên tổ chức phát hành (đầy đủ): Công ty Cổ phần LICOGI 14
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 2068, đại lộ Hùng Vương, Nông Trang, Việt Trì, Phú Thọ
- Điện thoại: 0210.3953543 Fax: 0210.3953542 Website: <https://licogi14.vn/>
- Vốn điều lệ: 243.955.670.000 đồng
- Mã cổ phiếu: L14
- Nơi mở tài khoản: Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam – chi nhánh Phú Thọ.
Số hiệu tài khoản: 4211 0000 000 266
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp: 2600106234 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Thọ cấp lần đầu vào ngày 12 tháng 9 năm 2005, đăng ký thay đổi lần 13 vào ngày 14 tháng 09 năm 2020.
 - Ngành nghề kinh doanh chính: Xây dựng nhà các loại Mã số: 4100
 - Sản phẩm/dịch vụ chính: Xây dựng
- Giấy phép thành lập và hoạt động (nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành): Không có
- Tổ chức phát hành thuộc ngành, nghề kinh doanh có điều kiện mà pháp luật chuyên ngành quy định phải có chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về việc phát hành: Không có

II. THÔNG TIN VỀ CỔ PHIẾU CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

- Cổ phiếu phổ thông
 - Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 24.395.567 cổ phiếu.
 - Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 24.395.367 cổ phiếu.
 - Tổng giá trị cổ phiếu đang lưu hành (tính theo mệnh giá): 243.953.670.000 đồng.
 - Đặc điểm (nêu rõ các đặc điểm hoặc các quyền kèm theo): Theo quy định tại Điều 115 Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ Công ty Cổ phần LICOGI 14.
 - Tổng số cổ phiếu quỹ: 200 cổ phiếu.
 - Đợt mua lại cổ phiếu gần nhất: Không có
- Cổ phiếu ưu đãi: Không có

III. MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU:

Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020.

IV. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần LICOGI 14
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu



4. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 2.439.556 cổ phiếu
5. Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 24.395.560.000 đồng
6. Tỷ lệ phát hành (số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/số lượng cổ phiếu đang lưu hành): 10%
7. Tỷ lệ thực hiện quyền: 10%
8. Nguồn vốn phát hành: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2020
9. Thời gian dự kiến phát hành: Quý II - III/2021, sau khi được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận
10. Phương án xử lý cổ phiếu lẻ: Cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) sẽ bị hủy, xem như không được phát hành.

Ví dụ: Tại ngày chốt danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam thực hiện, Cổ đông A sở hữu 199 cổ phiếu, theo tỷ lệ phát hành Cổ đông A được nhận thêm 19,9 cổ phiếu. Theo nguyên tắc làm tròn, Cổ đông A chỉ được nhận 19 cổ phiếu. Số cổ phiếu 0,9 cổ phiếu sẽ được hủy. Công ty hiện đang có số cổ phiếu quỹ là 200 cổ phiếu. Số cổ phiếu quỹ này không được thực hiện quyền.

V. CAM KẾT THỰC HIỆN ĐÚNG PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH VÀ QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT

1. Chúng tôi xin đảm bảo rằng những thông tin trong tài liệu báo cáo này là đầy đủ và đúng sự thật, không phải là thông tin không chính xác hoặc thiếu có thể làm cho nhà đầu tư chịu thiệt hại.
2. Chúng tôi cam kết:
 - Nghiên cứu đầy đủ và thực hiện nghiêm chỉnh các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
 - Chịu mọi hình thức xử lý nếu vi phạm các cam kết nêu trên.

VI. CÁC BÊN LIÊN QUAN:

1. Tổ chức kiểm toán: Công ty TNHH kiểm toán An Việt
2. Bên liên quan khác: Không có

VII. Hồ sơ kèm theo

1. Tờ trình số 01 /TTr-HĐQT, V/v: Trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2020;
2. Nghị quyết của Hội đồng quản trị thông qua việc triển khai thực hiện phương án phát hành;
3. Báo cáo tài chính hợp nhất/riêng đã kiểm toán năm 2020;
4. Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.

Việt Trì, ngày 12 tháng 05 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 14

TỔNG GIÁM ĐỐC



Lại Xuân Hùng



Số: 01 /TTr-HĐQT

Việt Trì, ngày 28 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v: Trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2020

Kính gửi : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 14

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần LICOGI 14;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 02/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2020 và kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần LICOGI 14 kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua:

I. Phương án trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2020:

- (1) Tổng lợi nhuận trước thuế sau kiểm toán năm 2020 : 39.951.498.856đ
- (2) Tổng lợi nhuận sau thuế sau kiểm toán năm 2020 : 34.372.769.841đ
- (3) Trích lập các quỹ năm 2020 : 8.593.192.460đ
- Trích quỹ đầu tư phát triển 10% : 3.437.276.984đ
 - Trích quỹ khen thưởng phúc lợi 15% : 5.155.915.476đ
- (4) Trích bổ sung kinh phí an sinh xã hội, nhân đạo từ thiện: 1.000.000.000đ

Công ty là chủ đầu tư, Dự án Khu đô thị mới Nam Minh Phương, hiện nay đã và đang triển khai quyết liệt các bước xây dựng dự án. Để thực hiện tốt công tác an sinh XH, từ thiện nhân đạo cho các khu dân cư thuộc các phường Minh Phương, Minh Nông, đề nghị Đại hội đồng cổ đông trích lập bổ sung kinh phí gồm: Ủng hộ hỗ trợ kinh phí đầu tư sửa chữa hội trường UBND phường Minh Phương sau quyết toán: 200 triệu đồng. Chi sửa chữa XD nhà để xe trường tiểu học Minh Phương: 70 triệu đồng. Ủng hộ kinh phí xây dựng nhà Văn hóa khu Vân cơ- Phường Minh Phương: 100 triệu đồng. Chi ủng hộ xây dựng Nhà tình nghĩa xã cấp dẫn-Cẩm Khê: 185 triệu đồng... đây cũng là công tác dân vận tạo sự đồng thuận trong quá trình đền bù giải phóng mặt bằng triển khai thực hiện dự án.

* Sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty Cổ phần LICOGI 14, đề nghị ĐHĐCĐ thông qua việc chia cổ tức năm 2020 như sau:

(5) Trắcở tức năm 2020 bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 10% tính trên vốn điều lệ, cụ thể:

- Tên cổ phiếu phát hành	:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần LICOGI 14
- Loại cổ phiếu	:	Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá	:	10.000 đồng/cổ phiếu
- Phương thức phát hành	:	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu
- Số lượng cổ phiếu phát hành	:	2.439.556 cổ phiếu



-	Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá	:	24.395.560.000 đồng
-	Tỷ lệ thực hiện quyền	:	10%, tương ứng tỷ lệ thực hiện quyền 100:10 (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được nhận 10 cổ phiếu phát hành thêm). Cổ phiếu quỹ (nếu có) không được thực hiện quyền.
-	Nguồn vốn dự kiến được sử dụng để phát hành	:	Từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính Công ty mẹ năm 2020 đã kiểm toán và không được vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán.
-	Phương án sử dụng vốn từ đợt phát hành	:	Sau khi hoàn tất việc phát hành, số vốn điều lệ tăng thêm sẽ được sử dụng cho mục đích bổ sung nguồn vốn hoạt động kinh doanh của Công ty
-	Đối tượng phát hành	:	Cổ đông hiện hữu tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền nhận cổ tức
-	Nguyên tắc làm tròn và xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh	:	Số cổ phần mà cổ đông được nhận sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ được hủy bỏ. Ví dụ: tại ngày chốt danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam thực hiện, Cổ đông A sở hữu 199 cổ phiếu, theo tỷ lệ phát hành Cổ đông A được nhận thêm 19,9 cổ phiếu. Theo nguyên tắc làm tròn, Cổ đông A chỉ được nhận 19 cổ phiếu. Số cổ phiếu lẻ (0,9 cổ phiếu) sẽ được hủy.
-	Thời gian thực hiện	:	Dự kiến trong năm 2021, sau khi có sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Như vậy: Theo mục 3, 4, 5 trích lập các quỹ + chia cổ tức năm 2020, tạo nguồn an sinh xã hội, từ thiện nhân đạo là:

$$8.593.192.460đ + 1.000.000.000đ + 24.395.560.000đ = 33.988.752.460đ.$$

➤ Dự kiến Vốn điều lệ sau khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020 là:

- Vốn điều lệ (VĐL) tại thời điểm 31/12/2020 : 243.955.670.000đ
- *VĐL tăng thêm do phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2020 (tỷ lệ 10%): 24.395.560.000đ*
- Vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành thêm : 268.351.230.000đ

II. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền và giao cho Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc điều hành thực hiện các công việc:

- Thực hiện việc ủng hộ, tài trợ, hỗ trợ bồi thường giải phóng mặt bằng cần năng động, linh hoạt, tiết kiệm đạt hiệu quả cao nhất. Báo cáo kết quả thực hiện trong kỳ Đại hội cổ đông gần nhất.

- Thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật để triển khai việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020;

- Lựa chọn thời điểm triển khai việc phát hành cổ phiếu cho phù hợp;
- Thực hiện các thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với Sở Kế hoạch và Đầu tư sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu;
- Chủ động sửa đổi, bổ sung Điều lệ theo thông tin thay đổi về vốn điều lệ và báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất;
- Lưu ký bổ sung toàn bộ số cổ phiếu phát hành thêm tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) và niêm yết bổ sung toàn bộ số cổ phiếu này tại Sở Giao dịch Chứng khoán nơi Công ty đang đăng ký niêm yết cổ phiếu.
- Thực hiện các nội dung khác để hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu trả cổ tức.
Kính trình đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu: HĐQT

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Gia Lý



06234 - C.T. C.P.
CÔNG TY
CỔ PHẦN
LICOCOFI
VIỆT TRÌ - T. PHÚ THO

NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

V/v: Triển khai phương án Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần LICOGI 14;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2021;
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị số 08 /BB-HĐQT, ngày 12/05/2021

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020 của Công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, cụ thể như sau:

- ✓ Loại cổ phiếu phát hành: Cổ phiếu phổ thông
- ✓ Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần
- ✓ Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 24.395.367 cổ phiếu
- ✓ Số lượng cổ phiếu quỹ: 200 cổ phiếu
- ✓ Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành để trả cổ tức: 2.439.556 cổ phiếu
- ✓ Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 24.395.560.000 đồng
- ✓ Nguồn vốn phát hành: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2020
- ✓ Thời gian thực hiện: Dự kiến trong Quý II-III/2021, sau khi được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận
- ✓ Phương án sử dụng vốn từ đợt phát hành: Bổ sung nguồn vốn hoạt động kinh doanh của Công ty
- ✓ Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu.
- ✓ Phương thức phát hành:

Cổ phiếu phát hành sẽ được phân phối theo phương thức thực hiện quyền. Tỷ lệ thực hiện quyền 10:1, (tại ngày chốt danh sách thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phần sẽ được hưởng 01 quyền nhận cổ phiếu và cứ 10 quyền sẽ được hưởng 01 cổ phiếu mới).

- ✓ Phương án xử lý cổ phiếu lẻ

Cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) sẽ bị hủy, xem như không được phát hành.

Ví dụ: Tại ngày chốt danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam thực hiện, Cổ đông A sở hữu 199 cổ phiếu, theo tỷ lệ phát hành Cổ đông A được nhận thêm 19,9 cổ phiếu. Theo nguyên tắc làm tròn, Cổ đông A chỉ được nhận 19 cổ phiếu. Số cổ phiếu 0,9 cổ

phiếu sẽ được hủy.

Công ty hiện đang có số cổ phiếu quỹ là 200 cổ phiếu. Số cổ phiếu quỹ này không được thực hiện quyền.

Điều 2: Tổ chức thực hiện:

Hội đồng quản trị giao cho Tổng Giám đốc, các phòng ban có liên quan triển khai các công việc:

- Báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) về việc phát hành;
- Thực hiện phát hành: Sau khi Ủy ban chứng khoán Nhà nước cho phép phát hành, thực hiện thông báo chốt danh sách cổ đông để phát hành; Phân phối cổ phiếu cho các cổ đông; Xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh; Báo cáo kết quả phát hành cho UBCKNN;
- Làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo số vốn điều lệ mới;
- Thực hiện các thủ tục để lưu ký, đăng ký niêm yết bổ sung số cổ phiếu phát hành thêm.

Điều 3: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký, các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và trưởng các phòng, các đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm triển khai các công việc theo Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như điều 3.
- Ban Kiểm soát.
- Lưu HĐQT.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Phạm Gia Lý

- Tổng số cổ đông tại Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam lập ngày 30 tháng 03 năm 2021 là 1.586 cổ đông sở hữu 24.395.567 cổ phiếu tương đương với 100% Vốn điều lệ.

- Tổng số cổ đông tham dự và cổ đông ủy quyền tham dự đại hội là 223 cổ đông, đại diện cho 19.781.129 cổ phần, chiếm 81,09% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, trong đó:

+ Số cổ đông tham dự trực tiếp: 111 cổ đông, đại diện cho 11.584.610 cổ phần, chiếm 47,49% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

+ Số cổ đông ủy quyền: 112 cổ đông, đại diện 8.196.549 cổ phần, chiếm 33,60% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

III/ DIỄN BIẾN ĐẠI HỘI:

A. Ban tổ chức tiến hành các thủ tục Đại hội, tuyên bố lý do và giới thiệu Đại biểu

1. Kiểm tra tư cách cổ đông:

Tại thời điểm khai mạc Đại hội (9h00'), Bà **Vũ Thị Vân Nga** - Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông lên báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông:

- Tổng số cổ đông của Công ty : 1.586 Cổ đông Cá nhân và Tổ chức
- Tổng số cổ phần sở hữu : 24.395.567 cổ phần
- Tổng số cổ phần biểu quyết : 24.395.367 cổ phần
- Cổ phiếu quỹ : 200 cổ phần
- Số cổ đông tham dự:

Tổng số cổ đông tham dự và cổ đông ủy quyền tham dự đại hội là 193 cổ đông, đại diện cho 19.000.553 cổ phần, chiếm 77,89% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Căn cứ theo Luật Doanh nghiệp và các điều khoản quy định tại Điều lệ Công ty, ĐHĐCD thường niên năm 2021 Công ty cổ phần LICOGI 14 đủ điều kiện tiến hành.

2. Tuyên bố lý do Đại hội.

3. Giới thiệu Đại biểu và các thành phần tham dự Đại hội.

4. Ông **Lại Xuân Hùng** - Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc, Trưởng Ban tổ chức đại hội giới thiệu và thông qua nhân sự tham gia điều hành Đại hội như sau:

4.1 Đoàn Chủ tịch:

- Ông Phạm Gia Lý Chủ tịch HĐQT Chủ tọa
- Bà Phan Lan Anh Thành viên HĐQT
- Ông Nguyễn Mạnh Tuấn Thành viên HĐQT

4.2 Đoàn Thư ký:

- Ông Huỳnh Thành Hậu
- Bà Hoàng Thị Quỳnh Mai

4.3 Ban kiểm phiếu:

- Ông Tạ Thiên Năng Trưởng Ban
- Bà Nguyễn Thị Thanh Nga Thành viên
- Ông Vũ Văn Đại Thành viên

Đại hội biểu quyết thông qua:

- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông đồng ý : 19.000.553 CP bằng 100 %
- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông không đồng ý : 0 CP bằng 0 %
- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông không có ý kiến : 0 CP bằng 0 %
- Tổng số phiếu hợp lệ : 19.000.553 CP
- Tổng số phiếu không hợp lệ : 0 CP

5. Ông **Lại Xuân Hùng** - Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc, Trưởng Ban tổ chức Đại hội xin ý kiến Đại hội thông qua Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần LICOGI 14 năm 2021.

Đại hội biểu quyết thông qua:

- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông đồng ý	:	19.000.553 CP	bằng	100 %
- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông không đồng ý	:	0 CP	bằng	0 %
- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông không có ý kiến	:	0 CP	bằng	0 %
- Tổng số phiếu hợp lệ	:	19.000.553 CP		
- Tổng số phiếu không hợp lệ	:	0 CP		

6. Bà **Phan Lan Anh**- Thành viên HĐQT trình bày Quy chế làm việc và Thẻ lệ biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần LICOGI 14 năm 2021.

Đại hội biểu quyết thông qua:

- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông đồng ý	:	19.000.553 CP	bằng	100 %
- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông không đồng ý	:	0 CP	bằng	0 %
- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông không có ý kiến	:	0 CP	bằng	0 %
- Tổng số phiếu hợp lệ	:	19.000.553 CP		
- Tổng số phiếu không hợp lệ	:	0 CP		

B. Tiến trình Đại hội

1. Ông **Phạm Gia Lý** - Chủ tịch HĐQT Công ty trình bày Báo cáo của HĐQT - Ban TGD về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2021.

2. Bà **Phan Lan Anh** - Thành viên HĐQT trình bày Tờ trình trích lập các quỹ, phân phối lợi nhuận và mức trả cổ tức năm 2020.

3. Ông **Nguyễn Mạnh Tuấn** - Thành viên HĐQT trình bày Tờ trình thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

4. Ông **Phạm Gia Lý** - Chủ tịch HĐQT trình bày Tờ trình Phương án tái cấu trúc Công ty con - Công ty cổ phần LICOGI 14.6

5. Bà **Vũ Thị Vân Nga** - Trưởng Ban kiểm soát Công ty trình bày:

- Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2020.
- Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán.
- Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021.
- Tờ trình mức thù lao của HĐQT, BKS và Thư ký HĐQT năm 2020; đề xuất chi trả thù lao năm 2021.

Sau khi nghe phần trình bày nội dung các Báo cáo, Tờ trình, các cổ đông tham dự Đại hội đã tiến hành thảo luận, đóng góp ý kiến với tinh thần xây dựng, phát triển Công ty:

- **Ý kiến cổ đông Nguyễn Hữu Hùng:**

Quan tâm phát hành tăng vốn thêm 100 tỷ đồng cho các nhà đầu tư thông qua hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng IPO.

- **Ý kiến cổ đông Nguyễn Văn Sơn:**

Kế hoạch thực hiện dự án Nam Minh Phương và kế hoạch doanh thu dự kiến sau 5 năm.

- **Ý kiến cổ đông Đặng Khánh Linh:**

Đề xuất Công ty chia cổ tức bằng 20%.

- Ý kiến của bà Phan Lan Anh - đại diện phần vốn của cổ đông Tổng công ty LICOGI - CTCP:

Đề nghị tách phiếu biểu quyết thành 2 nội dung

- Nội dung 1: Phương án phân chia lợi nhuận sau thuế
- Nội dung 2: Phương án chi trả cổ tức năm 2020: Đề nghị chia bằng 100% tiền mặt hoặc chi trả 50% bằng tiền mặt, 50% bằng cổ phiếu.

Chủ tọa xin ý kiến biểu quyết của ĐHĐCĐ về ý kiến của Tổng công ty như trên:

Đại hội biểu quyết về đề nghị của Tổng công ty LICOGI - CTCP như sau:

- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông đồng ý : 6.328.590 CP bằng 31,99 %
- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông không đồng ý : 13.452.539 CP bằng 68,01 %
- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông không có ý kiến: 0 CP bằng 0 %

Qua kết quả biểu quyết nêu trên, tỷ lệ đồng ý bằng 31,99% không đạt yêu cầu vì vậy ý kiến của Tổng công ty LICOGI - CTCP không được thông qua, do đó Chủ tọa đề nghị giữ nguyên nội dung Tờ trình số 01/TTr-HĐQT như tài liệu đã phát cho cổ đông.

IV. CÁC NỘI DUNG ĐƯỢC ĐẠI HỘI BIỂU QUYẾT THÔNG QUA:

Sau thời gian làm việc khẩn trương, dân chủ và đầy trách nhiệm, Đại hội đã biểu quyết thông qua các nội dung trình bày tại Đại hội, kết quả biểu quyết từng vấn đề như sau:

1. Báo cáo của HĐQT - Ban Tổng giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2021.

Các chỉ tiêu chính trong kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2020 như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	% thực hiện /kế hoạch
Tổng doanh thu	tỷ đồng	120	134,711	112,26%
Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	35	40,870	116,77%
Nộp Ngân sách	tỷ đồng	10	20,260	202,6%
Thu nhập bình quân	Triệu đồng	8	9,1	113,75%
Cổ tức (dự kiến)	%	10%/Vốn điều lệ dự kiến năm 2020	10%/Vốn điều lệ năm 2020	100%

Các chỉ tiêu chính trong kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	Dự kiến kế hoạch năm 2021
Tổng doanh thu dự kiến	tỷ đồng	174
- Xây lắp + KD khác dự kiến	tỷ đồng	124
- Kinh doanh BĐS dự kiến	tỷ đồng	50
Lợi nhuận trước thuế dự kiến	tỷ đồng	35
Nộp Ngân sách dự kiến	tỷ đồng	15
Thu nhập bình quân dự kiến	Tr. đồng	9
Cổ tức dự kiến	%	10
Đầu tư dự kiến	tỷ đồng	164

1.1 Về thi công xây lắp:

- Tập trung hơn nữa cho công tác thị trường, tìm kiếm việc làm các công trình xây lắp trên cơ sở lựa chọn đấu thầu các công trình xây lắp ở các dự án có nguồn vốn tốt, khả năng thanh toán cao; phát huy tối đa các mối quan hệ, tích cực tìm kiếm công việc ở mọi lĩnh vực xây lắp (dân dụng, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật...) trên địa bàn các tỉnh Phú Thọ, Tuyên Quang, Yên Bái... để có thêm việc làm cho năm 2021 và các năm tiếp theo.

- Nâng cao năng lực cạnh tranh trong thi công xây lắp, đáp ứng yêu cầu cạnh tranh ngày càng khốc liệt trên thị trường. Tiếp tục thực hiện mô hình Công ty trực tiếp quản lý trong thi công xây lắp bằng việc thành lập các Ban điều hành công trường; lựa chọn, bố trí cán bộ có đủ năng lực, phẩm chất đảm nhận vị trí Chỉ huy trưởng thi công; Công ty sẽ tính toán, xem xét phương án khoán quản đối với các Ban điều hành thi công như khoán lương bộ máy BĐH, khoán nhân công và một phần chi phí quản lý.

1.2 Về đầu tư các dự án:

1.2.1* Dự án Khu đô thị mới Nam Minh Phương

Theo dự toán kinh phí chi trả bồi thường giải phóng mặt bằng theo đơn giá, hệ số quy định bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Phú Thọ 5 năm 2019 - 2024 của UBND tỉnh Phú Thọ, dự kiến Khu đô thị Nam Minh Phương 54 ha là: 129.367.711.000 đồng. Do đơn giá đất nông nghiệp thấp, đang đề nghị phê duyệt hệ số K = 4 lần, kinh phí chi trả gấp 2 lần dự kiến trên 300 tỷ. Kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng sẽ được trừ vào tiền sử dụng đất theo phương án tài chính được cấp có thẩm quyền phê duyệt (giá trị m² là giá trị chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng).

Về nguồn vốn chi trả gồm:

- Số tiền thu được từ đợt chào bán chứng khoán ra công chúng năm 2018 dùng sử dụng cho bồi thường giải phóng mặt bằng Dự án Khu đô thị Nam Minh Phương là: 60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ đồng). Vậy còn thiếu dự kiến 240 tỷ đồng sẽ huy động từ nguồn vốn lợi nhuận chưa phân phối; tiếp tục bán sản phẩm tồn kho, vốn khác, vay huy động,...

Khó khăn trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng: Sau khi đấu thầu dự án, nhà đầu tư trúng thầu, nhưng quyền sử dụng đất vẫn thuộc quyền của các hộ dân, cho nên công tác bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư còn rất phức tạp, kéo dài thời gian, tùy thuộc vào quá trình dân vận khéo, tuyên truyền, vận động, đặc biệt hỗ trợ kinh phí đơn giá hệ số ngoài quy định Nhà nước theo đơn giá 5 năm 2019 - 2024 của tỉnh Phú Thọ. Dự án Nam Minh Phương vẫn thuộc dự án Nhà nước thu hồi đất thực hiện phát triển kinh tế xã hội của địa phương, nhà đầu tư nằm trong Hội đồng đền bù giải phóng mặt bằng, vẫn phải linh hoạt trong quá trình thực hiện vì hạn chế tối đa không thực hiện cưỡng chế giải phóng mặt bằng, vì lợi ích người dân, Nhà nước, doanh nghiệp. Để đảm bảo lợi ích người dân, doanh nghiệp và Nhà nước, đặc biệt khó khăn nhất trong khâu bồi thường giải phóng mặt bằng đảm bảo tiến độ để đầu tư, đảm bảo yên dân, tránh điểm nóng phát sinh khiếu kiện gây khó khăn phức tạp, tránh tình trạng không thể đền bù giải phóng mặt bằng Nhà nước sẽ thu hồi mất dự án. Đề nghị cổ đông đồng thuận để tạo nguồn hỗ trợ ngoài đơn giá, chính sách Nhà nước đưa vào chi phí được sử dụng từ các nguồn hiện có của Công ty (như nguồn LN chưa phân phối,..), giao cho HĐQT linh hoạt thực hiện theo tình hình thực tế. Dự kiến đợt 1 sử dụng khoảng 55 tỷ đồng. Nếu không hỗ trợ kinh phí bằng tiền mặt, hỗ trợ di chuyển mồ mã, thì chuyển sang hình thức xây nhà tình nghĩa cho một số hộ nghèo bị thu hồi đất, tu bổ công trình phúc lợi công cộng, đường giao thông dân cư giáp ranh dự án; nhà văn hóa, đình, đền, chùa, nghĩa trang liệt sỹ; từ thiện nhân đạo, giao lưu văn hóa - thể thao nhân dân trong vùng dự án. Ủy quyền cho HĐQT, Ban Tổng giám đốc năng động, linh hoạt, tiết kiệm đạt hiệu quả cao nhất. Báo cáo kết quả thực hiện trong kỳ Đại hội cổ đông gần nhất.

- Dự án đang trình Bộ xây dựng thẩm tra thiết kế cơ sở (dự kiến xong trong tháng 5/2021), sau đó sẽ tiến hành lập và xin thẩm tra dự án đầu tư, tổng mức đầu tư, hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công.

- Song song với đó Công ty tiếp tục đẩy nhanh công tác giải phóng mặt bằng; Đôn đốc nhà thầu tư vấn hoàn thiện hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường trình cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; Xin thẩm duyệt phương án PCCC; Hoàn thiện các thủ tục xin thẩm định thiết kế BVTC, cấp phép xây dựng Trường Tiểu học Minh Phương để tiến hành xây dựng phục vụ công tác giải phóng mặt bằng.

- Dự kiến triển khai san nền hạ tầng xây dựng Trường Tiểu học Minh Phương và bước đầu thi công hạng mục san nền Khu đô thị định hướng thi công ưu tiên san nền kéo dài tuyến đường 36m từ Đại lộ Hùng Vương nối Quốc lộ 32C - trục chính xương sống của cả Dự án đô thị mới Minh Phương và đô thị mới Nam Minh Phương. Giá trị đầu tư xây lắp dự kiến năm 2021 là: 133,5 tỷ đồng.

1.2.2* Dự án Khu đô thị sinh thái Trung tâm huyện Phù Ninh

Công ty cổ phần LICOGI 14 được UBND tỉnh Phú Thọ đồng ý cho phép nghiên cứu, khảo sát, điều chỉnh quy hoạch cục bộ 1/5000, lập quy hoạch chi tiết 1/500 dự án Khu đô thị sinh thái trung tâm huyện Phù Ninh giáp ranh Thành phố Việt Trì, trục chính trung tâm dự án là đầu nối với Quốc lộ 2 đi đường chiến thắng Sông Lô Tỉnh lộ 313 (quy mô 91ha).

Hiện tại Công ty đang tiến hành trình Hồ sơ điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung 1/5000 thị trấn Phong Châu làm cơ sở phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 của Dự án. Đã thực hiện xong việc lấy ý kiến cộng đồng dân cư đang trình Sở xây dựng và trình UBND tỉnh Phú Thọ phê duyệt.

Công ty đang yêu cầu các đơn vị tư vấn Công ty cổ phần tư vấn LICOGI và Công ty cổ phần tập đoàn Flamingo đang khẩn trương hoàn thiện đồ án quy hoạch chi tiết 1/500, trình duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 của dự án (dự kiến sẽ hoàn thành trong Quý II năm 2021). Tổng giá trị tài trợ sản phẩm quy hoạch 1/5000; 1/500 năm 2021 dự kiến là 3,5 tỷ đồng.

1.2.3* Dự án khu nhà ở, khu nghỉ dưỡng sinh thái cao cấp Hồ Phượng Mao, Thanh Thủy và du lịch trải nghiệm thác Đá Mài, huyện Thanh Sơn

Công ty cổ phần LICOGI 14 được UBND tỉnh Phú Thọ đồng ý chủ trương khảo sát, nghiên cứu lập quy hoạch Khu nhà ở, khu nghỉ dưỡng sinh thái cao cấp hồ Phượng Mao, huyện Thanh Thủy và du lịch trải nghiệm thác Đá Mài huyện Thanh Sơn.

Hiện tại, Công ty đã hoàn thành phương án đề xuất ý tưởng quy hoạch Dự án gửi Sở Xây dựng ngày 26/01/2021 để tổng hợp báo cáo Ủy ban Tỉnh theo đúng thời hạn 03 tháng tại văn bản số 4977/UBND-KTN ngày 09/11/2020. Đã hoàn thành khảo sát địa hình, ý tưởng quy hoạch kiến trúc, tiếp tục hoàn thiện các thủ tục quy hoạch chi tiết 1/500. Giá trị tài trợ sản phẩm quy hoạch dự kiến năm 2021 là 5 tỷ đồng.

1.2.4* Dự án Cải tạo cảnh quan Khu đô thị Minh Phương "sáng - xanh - sạch - đẹp"

Để đảm bảo giữ vững, phát triển uy tín, thương hiệu LICOGI 14 trên địa bàn tỉnh, nâng cao chất lượng môi trường sống "Sáng, xanh, sạch, đẹp" cho cư dân sinh sống trong khu đô thị. HĐQT tiếp tục đề nghị Đại hội đồng cổ đông cho phép thực hiện đầu tư cải tạo, nâng cấp một số hạng mục coi đó là nhiệm vụ an sinh xã hội, để tăng tiện ích thu hút đầu tư và người dân về ở, tạo cảnh quan đẹp hơn, đặc biệt các khu vực có yếu tố phong thủy nghĩa trang, nghĩa địa: Sửa chữa nâng cấp cổng chào chính khu đô thị đồng thời xây dựng mới một số cổng chào tại các vị trí cổng phụ vào khu đô thị, trồng thêm cây xanh cảnh quan, vệ sinh, nạo vét các hố ga, lát lại vỉa hè một số khu vực, sửa chữa các vị trí bị hư hỏng tránh ngập úng cục bộ..... với giá trị đầu tư năm 2021 dự kiến là 5 tỷ đồng trên cơ sở thiết kế, dự toán được Hội đồng quản trị phê duyệt.

1.2.5* Dự án xưởng sửa chữa cơ khí và kho vật tư thiết bị Minh Phương

Khu đất tại tam giác Dộc Mua nằm ở đường cụt, đường giao thông nhỏ, Công ty đã thuê đất nộp tiền một lần từ 2015, nếu không đầu tư Tỉnh sẽ thu hồi nên HĐQT đã lập dự án Xưởng sửa chữa có khí và kho vật tư thiết bị Minh Phương.

Dự án đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư vào tháng 9/2019 với tổng mức đầu tư là 2,1 tỷ đồng; Quy mô đầu tư 01 tầng bằng kết cấu thép, tường bao xây gạch lợp bê tông chống nóng trên diện tích đất sử dụng là 962 m² trên cơ sở nghiên cứu thị trường thực tế tại khu vực TP. Việt Trì. Hiện tại, đầu tư dự án sẽ chưa hiệu quả, tiếp tục tìm đối tác, điều chỉnh giá đất hợp lý để chuyển nhượng, ưu tiên vốn đầu tư dự án Nam Minh Phương.

Ủy quyền cho HĐQT, Ban Tổng giám đốc linh hoạt quyết định thực hiện.

1.2.6* Dự án Trung tâm thương mại Minh Phương Center Point

Khu đất Trung tâm thương mại nằm trên trục đường 36m, Công ty đã nộp tiền thuê đất 49 năm từ năm 2011, nếu không đầu tư tỉnh Phú Thọ sẽ thu hồi nên HĐQT đã lập dự án Trung tâm thương mại Minh Phương Center Point.

Dự án đã được Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ngày 16/12/2019, dự kiến tổng vốn đầu tư hiện nay là trên 70 tỷ đồng.

Qua nghiên cứu khảo sát thị trường, do đặc thù Khu đô thị dân cư chưa lấp đầy, kinh tế người dân trên địa bàn tỉnh còn thấp, các Khu công nghiệp và công nghệ cao chưa phát triển dẫn đến nhu cầu mua sắm tại trung tâm thương mại chưa cao. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh còn tồn tại nhiều Trung tâm thương mại chưa lấp đầy không gian cho thuê (trong đó có cả những Trung tâm thương mại được xây dựng tại vị trí trung tâm, đặc địa của thành phố Việt Trì) nên theo đánh giá thì việc triển khai ngay Dự án tại thời điểm này là chưa khả thi và hiệu quả.

Đặc biệt từ đầu năm 2020 đến nay, cả thế giới bị tác động ảnh hưởng của đại dịch bệnh Covid-19 làm cho mọi mặt của đời sống kinh tế xã hội bị ảnh hưởng nên việc đầu tư kinh doanh Trung tâm thương mại sẽ tiềm ẩn nhiều rủi ro. Do đó, LICOGI 14 có thể tìm đối tác hợp tác cùng triển khai dự án hoặc điều chỉnh giá hợp lý để chuyển nhượng lấy vốn tập trung làm dự án Nam Minh Phương tùy vào tình hình thực tế.

Ủy quyền cho HĐQT, Ban Tổng giám đốc linh hoạt quyết định thực hiện.

1.2.7* Dự án Nhà hàng và Trung tâm tổ chức sự kiện Cảnh Hồ Minh Phương

Dự án đã được UBND tỉnh Phú Thọ quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư ngày 12/09/2019, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 09/7/2020, dự kiến tổng vốn đầu tư hiện nay trên 60 tỷ đồng, chưa kể tiền sử dụng đất rất cao khoảng 300 triệu/năm.

Hiện nay, Đơn vị Tư vấn thiết kế đang hoàn thiện phương án Thiết kế chi tiết để trình các cơ quan chức năng thẩm duyệt PCCC, thẩm định thiết kế KTTTC, sau đó tiến hành các thủ tục xin Cấp phép xây dựng và thực hiện đầu tư Dự án theo đúng quy định.

Tuy nhiên, đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp tác động xấu đến lĩnh vực kinh doanh dịch vụ ăn uống, cho nên việc đầu tư kinh doanh nhà hàng, tổ chức sự kiện cũng sẽ gặp nhiều rủi ro.

Do tổng mức đầu tư dự án lớn trong khi LICOGI 14 chưa có kinh nghiệm trong việc quản lý, vận hành các dự án kinh doanh thương mại, dịch vụ nên phương hướng sắp tới công ty sẽ tiếp tục tìm đối tác liên kết góp vốn đầu tư hoặc cho các đối tác thuê bỏ vốn đầu tư cùng phân chia lợi nhuận, ưu tiên vốn cho đầu tư dự án Nam Minh Phương.

Ủy quyền cho HĐQT, Ban Tổng giám đốc linh hoạt quyết định thực hiện.

1.3 Các dự án định hướng đầu tư khác:

- Nếu có thời cơ thuận lợi đảm bảo phát triển Công ty với quy mô lớn hơn, chiến lược lâu dài trong tương lai tầm nhìn 2030 và những năm tiếp theo. Công ty vẫn lấy cốt lõi cho sự phát triển bền vững là đầu tư kinh doanh bất động sản, nhà ở, đô thị, xây lắp dân dụng, giao thông, thủy lợi, mở mang ngành nghề du lịch, dịch vụ... Trong kế hoạch 5 năm 2019 - 2023, ngoài các dự án đã và đang sắp đầu tư phát huy được năng lực, kinh nghiệm, uy tín, thương hiệu, nếu cơ hội tốt Công ty sẽ nghiên cứu khảo sát đầu tư các Dự án bất động sản đô thị du lịch, nghỉ dưỡng tại tỉnh Phú Thọ, Yên Bái, Tuyên Quang có tiềm năng phát triển, diện tích nghiên cứu từ 10-20 ha; 40- 50 ha; 200 - 300 ha theo hình thức xin chủ trương đầu tư hoặc liên kết đầu tư, hoặc mua lại dự án đầu tư đã có của các đối tác cần chuyển nhượng.

* Nghiên cứu khảo sát đầu tư tham gia đầu giá một số dự án quy mô từ 5-10 ha ở Phú Thọ, Yên Bái, Tuyên Quang, Nhà nước thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, nhà đầu tư đầu giá đất, nộp tiền sử dụng đất đầu tư hạ tầng, xây nhà ở để bán.

- Đầu tư thiết bị xe máy thi công: Công ty sẽ tiếp tục thực hiện đầu tư mua sắm máy móc thiết bị thi công mới phục vụ thi công các công trình xây lắp và dự án Khu đô thị mới Nam Minh Phương. Công ty dự kiến đầu tư 02 máy đào bánh lốp Volvo, 01 máy đào bánh xích Komatsu, 02 xe lu rung Sakai, Bomag, Dynapac và một số máy móc thiết bị khác như xe bơm vận chuyển bê tông,...phù hợp với từng giai đoạn SXKD. Giá trị đầu tư dự kiến 15 tỷ đồng.

Bên cạnh đó, để nâng cao năng lực thi công của các thiết bị sẵn có, Công ty sẽ tiếp tục đầu tư đại tu xe máy thiết bị đang sử dụng theo kế hoạch sản xuất kinh doanh theo từng thời điểm cụ thể để phát huy hiệu quả, tiết kiệm vốn và giao cho Hội đồng quản trị xem xét, phê duyệt cho phù hợp. Giá trị đầu tư đại tu xe máy thiết bị dự kiến 2 tỷ đồng.

- Bán thanh lý tài sản cố định: HĐQT sẽ tiếp tục chỉ đạo Ban Tổng giám đốc, các phòng ban chức năng rà soát, kiểm tra những xe máy, thiết bị, đồ dùng, dụng cụ cũ hết niên hạn sử dụng, đã hư

hàng nhiều, không phục hồi được để thanh lý thu hồi vốn đầu tư một số máy móc thiết bị mới nhằm nâng cao năng lực thi công các công trình trong năm 2021 và các năm tiếp theo.

Tất cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đã đồng ý thông qua các kỳ trước 2018, 2019, 2020 mà chưa thực hiện hết vẫn có hiệu lực thực hiện. Ủy quyền cho HĐQT, Ban TGD linh hoạt quyết định.

Và một số nội dung khác được nêu trong Báo cáo của Hội đồng quản trị trình tại Đại hội.

Đại hội biểu quyết thông qua:

- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông đồng ý	:	19.758.910 CP	bằng	99,888 %
- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông không đồng ý	:	0 CP	bằng	0 %
- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông không có ý kiến	:	1.500CP	bằng	0,008 %
- Tổng số phiếu hợp lệ	:	19.760.410 CP		
- Tổng số phiếu không hợp lệ	:	0 CP		

2. Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2020

Đại hội biểu quyết thông qua:

- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông đồng ý	:	19.758.910 CP	bằng	99,888 %
- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông không đồng ý	:	0 CP	bằng	0 %
- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông không có ý kiến	:	1.500 CP	bằng	0,008 %
- Tổng số phiếu hợp lệ	:	19.760.410 CP		
- Tổng số phiếu không hợp lệ	:	0 CP		

3. Trích lập các quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi, trả cổ tức

(1) Tổng lợi nhuận trước thuế sau kiểm toán	:	39.951.498.856 đ
(2) Tổng lợi nhuận sau thuế sau kiểm toán	:	34.372.769.841 đ
(3) Trích lập các quỹ năm 2020	:	8.593.192.460 đ
- Trích quỹ đầu tư phát triển 10%	:	3.437.276.984 đ
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi 15%	:	5.155.915.476 đ
(4) Trích bổ sung kinh phí an sinh xã hội, nhân đạo từ thiện	:	1.000.000.000 đ

(5) Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2020 là 10%/Vốn điều lệ, cụ thể:

- Tên cổ phiếu phát hành	:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần LICOGI 14
- Loại cổ phiếu	:	Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá	:	10.000 đồng/cổ phiếu
- Phương thức phát hành	:	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu
- Số lượng cổ phiếu phát hành	:	2.439.556 cổ phiếu
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá	:	24.395.560.000 đồng
- Tỷ lệ thực hiện quyền	:	10%, tương ứng tỷ lệ thực hiện quyền 100:10 (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được nhận 10 cổ phiếu phát hành thêm). Cổ phiếu quỹ (nếu có) không được thực hiện quyền.

- Nguồn vốn dự kiến được sử dụng để phát hành : Từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính Công ty mẹ năm 2020 đã kiểm toán và không được vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán.
- Phương án sử dụng vốn từ đợt phát hành : Sau khi hoàn tất việc phát hành, số vốn điều lệ tăng thêm sẽ được sử dụng cho mục đích bổ sung nguồn vốn hoạt động kinh doanh của Công ty
- Đối tượng phát hành : Cổ đông hiện hữu tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền nhận cổ tức
- Nguyên tắc làm tròn và xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh : Số cổ phần mà cổ đông được nhận sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ được hủy bỏ.
Ví dụ: tại ngày chốt danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam thực hiện, Cổ đông A sở hữu 199 cổ phiếu, theo tỷ lệ phát hành Cổ đông A được nhận thêm 19,9 cổ phiếu. Theo nguyên tắc làm tròn, Cổ đông A chỉ được nhận 19 cổ phiếu. Số cổ phiếu lẻ (0,9 cổ phiếu) sẽ được hủy.
- Thời gian thực hiện : Dự kiến trong năm 2021, sau khi có sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Ủy quyền cho HĐQT thực hiện các công việc:

- Thực hiện việc ủng hộ, tài trợ, hỗ trợ bồi thường giải phóng mặt bằng cần năng động, linh hoạt, tiết kiệm đạt hiệu quả cao nhất. Báo cáo kết quả thực hiện trong kỳ Đại hội cổ đông gần nhất;
- Thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật để thực hiện việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2020;
 - Lựa chọn thời điểm việc phát hành cổ phiếu cho phù hợp;
 - Thực hiện các thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với Sở Kế hoạch và Đầu tư sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu;
 - Chủ động sửa đổi, bổ sung Điều lệ theo thông tin thay đổi về vốn điều lệ và sẽ báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất;
 - Lưu ký bổ sung toàn bộ số cổ phiếu phát hành thêm tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) và niêm yết bổ sung toàn bộ số cổ phiếu này tại Sở Giao dịch Chứng khoán nơi công ty đang đăng ký niêm yết cổ phiếu.
 - Thực hiện các nội dung khác để hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu trả cổ tức.
 - Và các nội dung khác trong phạm vi quyền hạn của HĐQT.

(Chi tiết theo Tờ trình số 01/TTr-HĐQT ngày 28/4/2021).

Đại hội biểu quyết thông qua:

- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông đồng ý	:	13.419.320 CP	bằng	67,839 %
- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông không đồng ý	:	6.328.590 CP	bằng	31,993 %
- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông không có ý kiến	:	12.500 CP	bằng	0,063 %
- Tổng số phiếu hợp lệ	:	19.760.410 CP		
- Tổng số phiếu không hợp lệ	:	0 CP		

4. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động theo Tờ trình số 02/TTr-HĐQT

Đại hội biểu quyết thông qua:

- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông đồng ý	:	19.758.910 CP	bằng	99,888 %
- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông không đồng ý	:	0 CP	bằng	0 %
- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông không có ý kiến	:	1.500 CP	bằng	0,008 %
- Tổng số phiếu hợp lệ	:	19.760.410 CP		
- Tổng số phiếu không hợp lệ	:	0 CP		

5. Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty theo Tờ trình số 02/TTr-HĐQT

Đại hội biểu quyết thông qua:

- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông đồng ý	:	19.758.910 CP	bằng	99,888 %
- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông không đồng ý	:	0 CP	bằng	0 %
- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông không có ý kiến	:	1.500 CP	bằng	0,008 %
- Tổng số phiếu hợp lệ	:	19.760.410 CP		
- Tổng số phiếu không hợp lệ	:	0 CP		

6. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị theo Tờ trình số 02/TTr-HĐQT

Đại hội biểu quyết thông qua:

- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông đồng ý	:	19.758.910 CP	bằng	99,888 %
- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông không đồng ý	:	0 CP	bằng	0 %
- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông không có ý kiến	:	1.500 CP	bằng	0,008 %
- Tổng số phiếu hợp lệ	:	19.760.410 CP		
- Tổng số phiếu không hợp lệ	:	0 CP		

7. Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát theo Tờ trình số 02/TTr-HĐQT

Đại hội biểu quyết thông qua:

- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông đồng ý	:	19.758.910 CP	bằng	99,888%
- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông không đồng ý	:	0 CP	bằng	0 %
- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông không có ý kiến	:	1.500 CP	bằng	0,008 %
- Tổng số phiếu hợp lệ	:	19.760.410CP		
- Tổng số phiếu không hợp lệ	:	0 CP		

8. Phương án tái cấu trúc Công ty con - Công ty Cổ phần LICOGI 14.6 theo Tờ trình số 03/TTr-HĐQT

Đại hội biểu quyết thông qua:

- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông đồng ý	:	19.758.910 CP	bằng	99,888 %
- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông không đồng ý	:	0 CP	bằng	0 %
- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông không có ý kiến	:	1.500 CP	bằng	0,008 %
- Tổng số phiếu hợp lệ	:	19.760.410 CP		
- Tổng số phiếu không hợp lệ	:	0 CP		

9. Báo cáo tài chính năm 2020 (Đã được kiểm toán) theo Tờ trình số 04/TTr-HĐQT

Đại hội biểu quyết thông qua:

- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông đồng ý	:	19.758.910 CP	bằng	99,888 %
- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông không đồng ý	:	0 CP	bằng	0 %
- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông không có ý kiến	:	1.500 CP	bằng	0,008 %
- Tổng số phiếu hợp lệ	:	19.760.410 CP		
- Tổng số phiếu không hợp lệ	:	0 CP		

10. Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 theo Tờ trình số 05/TTr-HĐQT

Ban kiểm soát đề xuất lựa chọn một trong 3 đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 như sau:

- 1) Công ty TNHH kiểm toán Nhân Tâm Việt
- 2) Công ty TNHH kiểm toán An Việt
- 3) Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn Chuẩn Việt

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập trên cơ sở đề xuất của Ban Kiểm soát để thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 theo quy định của pháp luật.

Nội dung:

- Kiểm toán Báo cáo tài chính riêng soát xét 6 tháng và cả năm 2021 của Công ty mẹ.
- Kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất soát xét 6 tháng và cả năm năm 2021.

Đại hội biểu quyết thông qua:

- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông đồng ý	:	19.758.910 CP	bằng	99,888 %
- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông không đồng ý	:	0 CP	bằng	0 %
- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông không có ý kiến	:	1.500 CP	bằng	0,008 %
- Tổng số phiếu hợp lệ	:	19.760.410 CP		
- Tổng số phiếu không hợp lệ	:	0 CP		

11. Mức thù lao của HĐQT, BKS, Thư ký HĐQT năm 2021 theo Tờ trình số 06/TTr-HĐQT

- Chủ tịch HĐQT : Hưởng lương chuyên trách
- Thành viên HĐQT và Trưởng BKS : 7.000.000 đồng/tháng
- Kiểm soát viên và Thư ký : 4.000.000 đồng/tháng

Thù lao trả cho HĐQT, BKS và Thư ký HĐQT được trả cùng kỳ thanh toán lương mỗi tháng. Từ năm 2021, thành viên độc lập Hội đồng quản trị sẽ không được hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên độc lập Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định (Theo quy định tại Khoản 2, Điều 155 Luật Doanh nghiệp 2020).

Đại hội biểu quyết thông qua:

- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông đồng ý	:	19.758.910 CP	bằng	99,888 %
- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông không đồng ý	:	0 CP	bằng	0 %
- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông không có ý kiến	:	1.500 CP	bằng	0,008 %
- Tổng số phiếu hợp lệ	:	19.760.410 CP		
- Tổng số phiếu không hợp lệ	:	0 CP		

V/ BẾ MẠC ĐẠI HỘI:

Sau khi nghe Thư ký Đại hội đọc toàn văn Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần LICOGI 14.

Đại hội biểu quyết thông qua:

- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông đồng ý	:	19.760.410 CP	bằng 99.89 %
- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông không đồng ý	:	0 CP	bằng 0 %
- Tỷ lệ cổ đông/đại diện cổ đông không có ý kiến	:	0 CP	bằng 0 %
- Tổng số phiếu hợp lệ	:	19.760.410 CP	
- Tổng số phiếu không hợp lệ	:	0 CP	

Ông Phạm Gia Lý - Chủ tọa Đại hội tuyên bố bế mạc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần LICOGI 14 vào lúc 13 giờ 30 phút ngày 28 tháng 04 năm 2021.

Việt Trì, ngày 28 tháng 04 năm 2021

THƯ KÝ

T/M ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỌA - CHỦ TỊCH HĐQT



Huỳnh Thành Hậu



Hoàng Thị Quỳnh Mai



Phạm Gia Lý

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 14

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần LICOGI 14;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần LICOGI 14 ngày 28/04/2021;
- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu biểu quyết các nội dung tại Đại hội đồng cổ đông năm 2021 Công ty cổ phần LICOGI 14 ngày 28/04/2021.

Đại hội đồng cổ đông thường niên đã nhất trí biểu quyết thông qua các nội dung chính như sau:

QUYẾT NGHỊ

ĐIỀU 1. Thông qua toàn bộ nội dung Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
(Đại hội biểu quyết đồng ý thông qua với 19.760.410 CP đạt tỷ lệ 99,89 %)

Nội dung 1: Thông qua Báo cáo của HĐQT - Ban Tổng giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2021.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	% thực hiện/ kế hoạch
Tổng doanh thu	tỷ đồng	120	134,71	112,26%
Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	35	40,870	116,77%
Nộp Ngân sách	tỷ đồng	10	20,260	202,6%
Thu nhập bình quân	Triệu đồng	8	9,1	113,75%
Cổ tức	%	10%/Vốn điều lệ dự kiến năm 2020	10%/Vốn điều lệ năm 2020	100%

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:

Chỉ tiêu	ĐVT	Dự kiến kế hoạch năm 2021
Tổng doanh thu dự kiến	tỷ đồng	174
Lợi nhuận trước thuế dự kiến	tỷ đồng	35
Nộp Ngân sách dự kiến	tỷ đồng	15
Thu nhập bình quân	Triệu đồng	9
Cổ tức dự kiến	%	10%/vốn điều lệ dự kiến năm 2021
Đầu tư dự kiến	tỷ đồng	164

Và một số nội dung khác được nêu trong Báo cáo của Hội đồng quản trị - Ban Tổng giám đốc trình tại Đại hội.

(Đại hội biểu quyết đồng ý thông qua với 19.758.910 CP đạt tỷ lệ 99,888%)

Nội dung 2: Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2020

(Đại hội biểu quyết đồng ý thông qua với 19.758.910 CP đạt tỷ lệ 99,888 %)

Nội dung 3: Thông qua Trích lập các quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi, trả cổ tức theo Tờ trình số 01/TTr-HĐQT

(1) Tổng lợi nhuận trước thuế sau kiểm toán	:	39.951.498.856 đ
(2) Tổng lợi nhuận sau thuế sau kiểm toán	:	34.372.769.841 đ
(3) Trích lập các quỹ năm 2020	:	8.593.192.460 đ
- Trích quỹ đầu tư phát triển 10%	:	3.437.276.984 đ
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi 15%	:	5.155.915.476 đ
(4) Trích bổ sung kinh phí an sinh xã hội, nhân đạo từ thiện	:	1.000.000.000 đ
(5) Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2020 là 10%/Vốn điều lệ, cụ thể:		

Phương thức chia:

- Tên cổ phiếu phát hành	:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần LICOGI 14
- Loại cổ phiếu	:	Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá	:	10.000 đồng/cổ phiếu
- Phương thức phát hành	:	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu
- Số lượng cổ phiếu phát hành	:	2.439.556 cổ phiếu
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá	:	24.395.560.000 đồng
- Tỷ lệ thực hiện quyền	:	10%, tương ứng tỷ lệ thực hiện quyền 100:10 (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được nhận 10 cổ phiếu phát hành thêm). Cổ phiếu quỹ (nếu có) không được thực hiện quyền.
- Nguồn vốn dự kiến được sử dụng để phát hành	:	Từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính Công ty mẹ năm 2020 đã kiểm toán và không được vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán.
- Phương án sử dụng vốn từ đợt phát hành	:	Sau khi hoàn tất việc phát hành, số vốn điều lệ tăng thêm sẽ được sử dụng cho mục đích bổ sung nguồn vốn hoạt động kinh doanh của Công ty
- Đối tượng phát hành	:	Cổ đông hiện hữu tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền nhận cổ tức
- Nguyên tắc làm tròn và xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh	:	Số cổ phần mà cổ đông được nhận sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ được hủy bỏ. Ví dụ: tại ngày chốt danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam thực hiện, Cổ đông A sở hữu 199 cổ phiếu, theo tỷ lệ phát hành Cổ đông A được nhận thêm 19,9 cổ phiếu. Theo nguyên tắc làm tròn, Cổ đông A chỉ được nhận 19 cổ phiếu. Số cổ phiếu lẻ (0,9 cổ phiếu) sẽ được hủy.
- Thời gian thực hiện	:	Dự kiến trong năm 2021, sau khi có sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Ủy quyền cho HĐQT thực hiện các công việc:

- Thực hiện việc ủng hộ, tài trợ, hỗ trợ bồi thường giải phóng mặt bằng cần năng động, linh hoạt, tiết kiệm đạt hiệu quả cao nhất. Báo cáo kết quả thực hiện trong kỳ Đại hội cổ đông gần nhất;
- Thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật để thực hiện việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2020;
- Lựa chọn thời điểm việc phát hành cổ phiếu cho phù hợp;
- Thực hiện các thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với Sở Kế hoạch và Đầu tư sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu;
- Chủ động sửa đổi, bổ sung Điều lệ theo thông tin thay đổi về vốn điều lệ và sẽ báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất;
- Lưu ký bổ sung toàn bộ số cổ phiếu phát hành thêm tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) và niêm yết bổ sung toàn bộ số cổ phiếu này tại Sở Giao dịch Chứng khoán nơi công ty đang đăng ký niêm yết cổ phiếu.
- Thực hiện các nội dung khác để hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu trả cổ tức.
- Và các nội dung khác trong phạm vi quyền hạn của HĐQT.

(Nội dung chi tiết theo Tờ trình số 01/TTr-HĐQT ngày 28/04/2021)

(Đại hội biểu quyết đồng ý thông qua với 13.419.320 CP đạt tỷ lệ 67,839%)

Nội dung 4: Thông qua Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động theo Tờ trình số 02/TTr-HĐQT

(Đại hội biểu quyết đồng ý thông qua với 19.758.910 CP đạt tỷ lệ 99,888 %)

Nội dung 5: Thông qua Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty theo Tờ trình số 02/TTr-HĐQT

(Đại hội biểu quyết đồng ý thông qua với 19.758.910 CP đạt tỷ lệ 99,888 %)

Nội dung 6: Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị theo Tờ trình số 02/TTr-HĐQT

(Đại hội biểu quyết đồng ý thông qua với 19.758.910 CP đạt tỷ lệ 99,888 %)

Nội dung 7: Thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát theo Tờ trình số 02/TTr-HĐQT

(Đại hội biểu quyết đồng ý thông qua với 19.758.910 CP đạt tỷ lệ 99,888 %)

Nội dung 8: Thông qua Phương án tái cấu trúc Công ty con - Công ty Cổ phần LICOGI 14.6 theo Tờ trình số 03 /TTr-HĐQT

(Đại hội biểu quyết đồng ý thông qua với 19.758.910 CP đạt tỷ lệ 99,888 %)

Nội dung 9: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 (Đã được kiểm toán)

(Đại hội biểu quyết đồng ý thông qua với 19.758.910 CP đạt tỷ lệ 99,888 %)

Nội dung 10: Thông qua Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 theo Tờ trình số 04/TTr-HĐQT

Ban kiểm soát đề xuất lựa chọn một trong 3 đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 như sau:

- 1) Công ty TNHH kiểm toán Nhân Tâm Việt
- 2) Công ty TNHH kiểm toán An Việt
- 3) Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn Chuẩn Việt



Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập trên cơ sở đề xuất của Ban Kiểm soát để thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 theo quy định của pháp luật.

Nội dung:

- Kiểm toán Báo cáo tài chính riêng soát xét 6 tháng và cả năm 2021 của Công ty mẹ.
- Kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất soát xét 6 tháng và cả năm 2021.

(Đại hội biểu quyết đồng ý thông qua với 19.758.910 CP đạt tỷ lệ 99,888 %)

Nội dung 11: Thông qua Mức thù lao của HĐQT, BKS, Thư ký HĐQT năm 2021 theo Tờ trình số 05/TTr-HĐQT

- | | |
|---------------------------------|----------------------------|
| ▪ Chủ tịch HĐQT | : Hưởng lương chuyên trách |
| ▪ Thành viên HĐQT và Trưởng BKS | : 7.000.000 đồng/tháng |
| ▪ Kiểm soát viên và Thư ký | : 4.000.000 đồng/tháng |

Thù lao trả cho HĐQT, BKS và Thư ký HĐQT được trả cùng kỳ thanh toán lương mỗi tháng. Từ năm 2021, thành viên độc lập Hội đồng quản trị sẽ không được hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà Thành viên độc lập Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định (Theo quy định tại Khoản 2, Điều 155 Luật Doanh nghiệp 2020).

(Đại hội biểu quyết đồng ý thông qua với 19.758.910 CP đạt tỷ lệ 99,888 %)

ĐIỀU 2. Điều khoản thi hành

Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần LICOGI 14 giao nhiệm vụ cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nội dung đã thông qua tại Đại hội này theo đúng Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Nghị quyết này gồm 11 Nội dung và 02 Điều, đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần LICOGI 14 thông qua toàn văn tại cuộc họp với tỷ lệ biểu quyết đồng ý 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội và có hiệu lực kể từ ngày 28/04/2021.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS, Ban TGD
- Các cổ đông (CBTT trên webiste L14)
- Lưu TK HĐQT.

T/M ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA - CHỦ TỊCH HĐQT



Phạm Gia Lý



CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 14

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	05 - 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	08
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	09 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần LICOGI 14 (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty

Các thành viên Hội đồng quản trị Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Gia Lý	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Bà Phan Lan Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Thành viên
Ông Phạm Hùng Cường	Thành viên
Ông Lại Xuân Hùng	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Gia Lý	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/08/2020)
Ông Lại Xuân Hùng	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/08/2020)
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Hàng Hải	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban kiểm soát Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Vũ Thị Vân Nga	Trưởng ban kiểm soát
Ông Hoàng Như Thái	Thành viên
Ông Phạm Hồng Quân	Thành viên

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính-riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Lại Xuân Hùng
Tổng Giám đốc

Phủ Thọ, ngày 03 tháng 03 năm 2021

Số: 13/2021/KT-AVHN-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần LICOGI 14

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần LICOGI 14 (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 03/03/2021, từ trang 5 đến trang 33, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần LICOGI 14 tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.



Đỗ Dương Tùng

Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

2904-2019-055-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT – CHI NHÁNH HÀ NỘI

Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2021

Đào Thị Thúy Hà

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

1785-2018-055-1

15
ON
NH
EM
VI
HÀ
HÀ

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

MẪU B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		454.180.956.552	412.311.688.540
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	96.132.023.159	19.586.454.014
1. Tiền	111		10.482.023.159	19.586.454.014
2. Các khoản tương đương tiền	112		85.650.000.000	-
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	14	206.860.000.000	256.638.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		206.860.000.000	256.638.000.000
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		40.582.277.639	19.764.981.820
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	21.968.138.950	8.690.570.464
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	4.552.083.181	2.106.407.500
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	8.1	18.995.741.914	13.585.527.581
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(4.933.686.406)	(4.617.523.725)
IV- Hàng tồn kho	140		110.424.634.415	115.902.653.960
1. Hàng tồn kho	141	11	110.424.634.415	115.902.653.960
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		182.021.339	419.598.746
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.1	142.112.139	163.026.424
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		39.909.200	256.572.322
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		52.368.162.173	48.559.824.464
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		1.115.069.000	1.115.069.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	8.2	1.115.069.000	1.115.069.000
II- Tài sản cố định	220		8.108.169.533	9.301.033.758
1. Tài sản cố định hữu hình	221	18	8.065.210.533	9.249.878.758
- Nguyên giá	222		83.816.085.562	86.694.236.649
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(75.750.875.029)	(77.444.357.891)
3. Tài sản cố định vô hình	227	17	42.959.000	51.155.000
- Nguyên giá	228		156.020.000	156.020.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(113.061.000)	(104.865.000)
III- Bất động sản đầu tư	230	15	27.064.508.809	-
- Nguyên giá	231		27.344.829.481	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(280.320.672)	-
IV- Tài sản dở dang dài hạn	240		2.997.446.615	24.792.579.320
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	2.997.446.615	24.792.579.320
V- Đầu tư tài chính dài hạn	250		8.000.000.000	8.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	14.2	8.000.000.000	8.000.000.000
VI- Tài sản dài hạn khác	260		5.082.968.216	5.351.142.386
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.2	828.170.324	3.107.439.118
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	4.254.797.892	2.243.703.268
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		506.549.118.725	460.871.513.004

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		162.984.978.877	80.618.285.152
I- Nợ ngắn hạn	310		161.334.978.877	77.868.285.152
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	5.464.763.510	9.432.413.655
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	21	47.970.228.344	23.388.745.641
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	22	2.919.198.472	2.325.284.704
4. Phải trả người lao động	314		313.345.685	118.000.000
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	23	9.173.698.059	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	24	62.191.169.507	3.545.925.729
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19.1	1.100.000.000	8.639.209.900
12. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		32.202.575.300	30.418.705.523
II- Nợ dài hạn	330		1.650.000.000	2.750.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19.2	1.650.000.000	2.750.000.000
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		343.564.139.848	380.253.227.852
I- Vốn chủ sở hữu	410	25	343.564.139.848	380.253.227.852
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		243.955.670.000	184.819.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		243.955.670.000	184.819.300.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	15.707.119.000
5. Cổ phiếu quỹ	415		(2.000.000)	(2.000.000)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		38.314.224.347	34.823.903.609
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		61.296.245.501	144.904.905.243
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		33.798.029.628	81.455.096.264
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		27.498.215.873	63.449.808.979
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		506.549.118.725	460.871.513.004

Phủ Thọ, ngày 03 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Nga

Kế toán trưởng



Hà Văn Lợi

Tổng Giám đốc



Lại Xuân Hùng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Năm 2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	78.436.496.001	206.160.582.280
2. Các khoản giảm trừ	02	27	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	27	78.436.496.001	206.160.582.280
4. Giá vốn hàng bán	11	28	38.248.146.301	86.758.490.176
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		40.188.349.700	119.402.092.104
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	17.790.942.191	16.979.461.659
7. Chi phí tài chính	22	30	375.906.842	826.163.019
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		375.906.842	826.163.019
8. Chi phí bán hàng	25	31	9.354.451.587	24.201.435.055
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	8.532.155.406	12.340.867.472
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		39.716.778.056	99.013.088.217
11. Thu nhập khác	31		337.636.364	168.000.000
12. Chi phí khác	32		102.915.564	4.849.350
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	32	234.720.800	163.150.650
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		39.951.498.856	99.176.238.867
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	33	7.589.823.639	11.796.837.994
16. Chi phí/(Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	34	(2.011.094.624)	8.067.139.650
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		34.372.769.841	79.312.261.223

Phù Thọ, ngày 03 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Nga

Kế toán trưởng



Hà Văn Lợi



 Tổng Giám đốc
 Lại Xuân Hùng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		39.951.498.856	99.176.238.867
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		1.717.398.533	1.864.176.725
- Các khoản dự phòng	03		316.162.681	4.617.523.725
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(17.704.228.523)	(17.147.461.659)
- Chi phí lãi vay	06		375.906.842	826.163.019
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		24.656.738.389	89.336.640.677
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(24.986.552.716)	4.876.122.141
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		5.749.604.090	60.396.664.433
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		31.010.396.852	(80.652.713.394)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		209.583.079	379.545.873
- Tiền lãi vay đã trả	14		(375.906.842)	(826.163.019)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(8.115.989.064)	(10.922.455.479)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(8.695.496.526)	(6.755.243.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		19.452.377.262	55.832.397.632
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn	21		(5.819.584.078)	(21.812.619.903)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22		337.636.364	168.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(302.460.000.000)	(229.638.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		352.238.000.000	185.282.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		21.436.349.497	11.300.101.617
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		65.732.401.783	(54.700.518.286)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	17.027.380.800
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(8.639.209.900)	(10.588.170.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(8.639.209.900)	6.439.209.900
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		76.545.569.145	7.571.089.246
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		19.586.454.014	12.015.364.768
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	5	96.132.023.159	19.586.454.014

Phụ Thọ, ngày 03 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Nga

Kế toán trưởng



Hà Văn Lợi



Tổng Giám đốc

Lại Xuân Hùng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU B09 - DN

Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 33 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần LICOGI 14 tiền thân là Công ty Cơ giới và Xây lắp số 14 được thành lập theo Quyết định số 055A/BXD-TCLD ngày 02/01/1996 của Bộ Xây dựng. Công ty Cơ giới và Xây lắp số 14 được chuyển thành Công ty Cổ phần LICOGI 14 theo Quyết định số 1453/QĐ-BXD ngày 18/07/2005 của Bộ Xây dựng và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1803000339 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp lần đầu ngày 12/09/2005, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 ngày 04/09/2020.

Tại ngày 31/12/2020, vốn điều lệ của Công ty là 243.955.670.000 VND được chia thành 24.395.567 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 2068, đại lộ Hùng Vương, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh: Xây lắp, kinh doanh thương mại và bất động sản.**1.3. Ngành nghề kinh doanh**

- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San ủi, đào đắp, bốc xúc đất đá;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông;
- Lắp đặt hệ thống điện. Chi tiết: Lắp đặt đường điện và lắp đặt trạm biến áp đến 35KV;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, công trình công ích, hoàn thiện công trình xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Đầu tư và kinh doanh phát triển nhà, khu đô thị mới, khu cụm công nghiệp;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Đầu tư các dự án thủy điện vừa và nhỏ (kể cả thủy điện và nhiệt điện);
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao. Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh ống cống bê tông cốt thép, gạch Block và các loại vật liệu khác;
- Khai thác đá, cát sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác, chế biến đá các loại, khai thác cát, sỏi, khai thác đất sét;

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không xác định được một cách rõ ràng và do đó được mặc định là 12 tháng.**1.5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:** không có yếu tố ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

*Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 33 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng***1.6. Cấu trúc doanh nghiệp:**

Đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
A Các đơn vị trực thuộc hạch toán báo số		
1 Chi nhánh Hà Nội	Số 34 ngõ 2, Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
2 Chi nhánh Đầu tư và Xây dựng 14.2	Tầng 3, số 2068 đại lộ Hùng Vương, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	Xây dựng nhà các loại Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng
3 Chi nhánh Lào Cai	Km 36, thôn Cốc Sấm 5, xã Phong Niên, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai	Xây dựng công trình công ích
4 Chi nhánh Xây dựng giao thông LICOGI 14.8	Tổ 1, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
B Các công ty con		
1 Công ty Cổ phần LICOGI 14.6	Số 2068 đại lộ Hùng Vương, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng

1.7. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng:** Các thông tin trên báo cáo tài chính riêng có thể so sánh được.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính riêng được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này:

4.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và báo cáo tài chính của các Chi nhánh sau khi bù trừ số dư các khoản công nợ nội bộ, doanh thu và chi phí nội bộ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

*Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 33 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng***4.2. Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

4.4. Các khoản đầu tư tài chính**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Phản ánh các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng (ngắn hạn) và trên 12 tháng (dài hạn) kể từ thời điểm báo cáo (ngoài các khoản chứng khoán kinh doanh), bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác**Đầu tư vào công ty con**

Phản ánh các khoản đầu tư mà Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và có quyền kiểm soát, chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư (công ty con) nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

4.5. Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: các khoản tạm ứng, lãi dự thu và các khoản phải thu khác.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ 06 tháng trở lên và các khoản phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn, phù hợp với quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

*Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 33 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng***4.6. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc, trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì hàng tồn kho được xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm, bất động sản đang xây dựng và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của hợp đồng xây dựng, giá gốc bao gồm chi phí tiền sử dụng đất, các chi phí xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng, chi phí trực tiếp và chi phí chung khác có liên quan. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

4.7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, số khấu hao được tính bằng nguyên giá chia (:) cho thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25
Máy móc, thiết bị	3 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5

4.8. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình hình thành từ mua sắm và đầu tư chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

*Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 33 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng***4.8. Tài sản cố định vô hình và khấu hao (tiếp theo)**

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định vô hình:

- Chi phí phát sinh có khả năng làm cho tài sản cố định vô hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu;
- Chi phí được xác định một cách chắc chắn và gắn liền với tài sản cố định vô hình cụ thể.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian thuê đất (19 năm).

4.9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê.

Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư cho thuê. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Quyền sử dụng đất và nhà cửa kiot dịch vụ thương mại khu đô thị Minh Phương: 45,25 năm.

4.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như đối với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được ghi nhận theo thực tế phát sinh, bao gồm: Công cụ dụng cụ xuất dùng, chi phí sửa chữa tài sản cố định, thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ của hoạt động cho thuê kiot thương mại Khu đô thị Minh Phương và quyền sử dụng đất có thời hạn chờ phân bổ.

Công cụ, dụng cụ xuất dùng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 36 tháng kể từ khi phát sinh.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 36 tháng kể từ khi phát sinh.

Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ của hoạt động cho thuê kiot thương mại Khu đô thị Minh Phương được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Quyền sử dụng đất có thời hạn chờ phân bổ được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê đất.

Công ty căn cứ vào thời gian trả trước theo hợp đồng của từng loại chi phí để phân loại chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn và không thực hiện tái phân loại tại thời điểm báo cáo.

15
ĐƠN
NHỊ
M
V
I
N
H
À
H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

*Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 33 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng***4.12. Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Kinh phí công đoàn và các khoản phải trả khác.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

4.13. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản đi vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

4.14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

4.15. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước đối với số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán của hoạt động cho thuê kiot dịch vụ thương mại Khu đô thị Minh Phương.

Hàng kỳ, Công ty tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện và doanh thu trong kỳ phù hợp với thời gian cho thuê tài sản.

4.16. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán phản ánh vốn góp của cổ đông trong và ngoài doanh nghiệp, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông góp cổ phần, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Các quỹ và lợi nhuận sau thuế được trích lập và phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc tạm trích theo Điều lệ Công ty và được trích lập bổ sung/điều chỉnh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

4.17. Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

*Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 33 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng***4.17. Doanh thu và thu nhập khác (tiếp theo)**

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền đối với hợp đồng không hủy ngang được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất;
- Công ty đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Doanh thu cho thuê bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng: đối với hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: Lãi tiền gửi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

4.18. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo thực tế phát sinh phù hợp với doanh thu, bao gồm: trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản bán trong kỳ; giá vốn của hoạt động cho thuê bất động sản; giá thành của hoạt động xây lắp; giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

4.19. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm lãi vay được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở số tiền vay và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.20. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ của kỳ kế toán, bao gồm: chi phí lương nhân viên bộ phận bán hàng; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên bán hàng; chi phí vận chuyển, bốc xếp, khấu hao tài sản cố định dùng cho bán hàng, tiền công tác phí cho nhân viên bộ phận bán hàng,...

 11/01/2021
 CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 14
 T.Đ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

*Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 33 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng***4.20. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp (tiếp theo)**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty phát sinh trong kỳ kế toán, bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách,...).

4.21. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. Thu nhập thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính, khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, đối với tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định các loại thuế của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về các loại thuế tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

*Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 33 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng***4.22. Công cụ tài chính***Ghi nhận ban đầu*Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, các khoản phải trả khác và các khoản vay.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó, giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá gốc.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4.23. Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác.

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: Những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 6, 7, 20, 37.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

5 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	1.449.731.690	2.919.748.040
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.032.291.469	16.666.705.974
Các khoản tương đương tiền (*)	85.650.000.000	-
Cộng	96.132.023.159	19.586.454.014

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng tại các ngân hàng với lãi suất 3,3%/năm.

6 PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn	21.968.138.950	8.690.570.464
Các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng	20.905.854.043	6.838.584.043
<i>Công ty Cổ phần Cầu 11 Thăng Long</i>	<i>4.301.361.043</i>	<i>4.301.361.043</i>
<i>Ban quản lý Dự án Xây dựng Đô thị - Sở Xây dựng Lào Cai</i>	<i>1.059.223.000</i>	<i>1.059.223.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Cường Thịnh Thi</i>	<i>2.710.100.000</i>	<i>1.478.000.000</i>
<i>Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Phúc Khánh Phú Thọ</i>	<i>12.835.170.000</i>	-
Các khoản phải thu của khách hàng khác	1.062.284.907	1.851.986.421
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	Mối quan hệ	
<i>Tổng Công ty LICOGI - CTCP</i>	<i>Cổ đông lớn</i>	632.325.363

7 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn	4.552.083.181	2.106.407.500
Các khoản trả trước cho người bán chiếm từ 10% trở lên trên tổng trả trước cho người bán	2.925.811.800	827.300.000
<i>Công ty Cổ phần Tư vấn LICOGI</i>	<i>1.660.674.000</i>	<i>200.000.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Xây dựng An Phát</i>	<i>637.837.800</i>	-
<i>Viện Quy hoạch và Kiến trúc Đô thị</i>	<i>318.900.000</i>	<i>318.900.000</i>
<i>Công ty TNHH Kiến trúc Xây dựng M2 Việt Nam</i>	<i>308.400.000</i>	<i>308.400.000</i>
Trả trước cho các đối tượng khác	1.626.271.381	1.279.107.500
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	Mối quan hệ	
<i>Công ty Cổ phần Tư vấn LICOGI</i>	<i>Cùng cổ đông lớn là Tổng Công ty LICOGI - CTCP</i>	1.660.674.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

8 PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
8.1 Ngắn hạn	18.995.741.914		13.585.527.581	-
Phải thu khác	18.889.629.817	-	13.449.829.815	-
Lãi dự thu	7.422.553.920	-	11.492.311.258	-
Tạm ứng tiền đền bù giải phóng mặt bằng (*)	11.467.075.897	-	1.945.739.000	-
Phải thu khác	-	-	11.779.557	-
Tạm ứng	106.112.097	-	135.697.766	-
8.2 Dài hạn	1.115.069.000	-	1.115.069.000	-
Ký cược, ký quỹ	1.115.069.000	-	1.115.069.000	-

(*) Tạm ứng đền bù giải phóng mặt bằng Dự án Khu đô thị Nam Minh Phương (đã có Quyết định số 2089/QĐ-UBND ngày 22/07/2020 về việc thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của UBND thành phố Việt Trì).

9 DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Năm nay VND	Năm trước VND
Ngắn hạn		
Số dư đầu năm	(4.617.523.725)	-
Trích lập dự phòng	(316.162.681)	(4.617.523.725)
Số dư cuối năm	(4.933.686.406)	(4.617.523.725)
Trong đó:		
- Phải thu của khách hàng	(4.933.686.406)	(4.617.523.725)

10 NỢ XẤU

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
<i>Các khoản phải thu</i>	4.933.686.406	-	4.933.686.406	316.162.681
Tổng Công ty LICOGI - CTCP	632.325.363	-	632.325.363	316.162.681
<i>Thời gian quá hạn: trên 3 năm</i>				
<i>Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn</i>	632.325.363	-	632.325.363	316.162.681
Công ty Cổ phần Cầu 11 Thăng Long	4.301.361.043	-	4.301.361.043	-
<i>Thời gian quá hạn: trên 3 năm</i>				
<i>Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn</i>	4.301.361.043	-	4.301.361.043	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

11 HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	546.084.910	-	772.029.738	-
Công cụ, dụng cụ	4.092.545	-	4.092.545	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dờ dang - Bất động sản	105.366.488.742	-	108.518.394.179	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dờ dang - Xây lắp	4.494.001.320	-	6.594.170.600	-
Thành phẩm	13.966.898	-	13.966.898	-
Cộng	110.424.634.415	-	115.902.653.960	-

12 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
12.1 Ngắn hạn	142.112.139	163.026.424
Công cụ dụng cụ xuất dùng	142.112.139	163.026.424
12.2 Dài hạn	828.170.324	3.107.439.118
Quyền sử dụng đất có thời hạn chờ phân bổ	736.453.088	2.855.251.676
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	79.217.425	252.187.442
Chi phí trả trước dài hạn khác	12.499.811	-

13 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	24.792.579.320	1.134.418.992
Tăng trong năm	3.755.447.695	23.658.160.328
Xây dựng cơ bản dở dang	2.667.303.527	23.658.160.328
Sửa chữa lớn tài sản cố định	1.088.144.168	-
Giảm trong năm	25.550.580.400	-
Kết chuyển sang bất động sản đầu tư	25.254.229.481	-
Kết chuyển giảm khác	296.350.919	-
Số cuối năm (*)	2.997.446.615	24.792.579.320

(*) Chi tiết bao gồm:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Kiot dịch vụ thương mại khu đô thị Minh Phương	-	23.009.275.193
Nhà hàng khu đô thị Minh Phương	1.908.251.447	1.781.324.127
Khu đô thị sinh thái trung tâm huyện Phù Ninh	-	1.980.000
Sửa chữa ô tô, máy móc thiết bị	875.550.800	-
Xưởng sửa chữa cơ khí và kho vật tư, thiết bị Minh Phương	213.644.368	-
Cộng	2.997.446.615	24.792.579.320

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

14 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

14.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a Ngắn hạn	206.860.000.000	206.860.000.000	256.638.000.000	256.638.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng tại:	206.860.000.000	206.860.000.000	256.638.000.000	256.638.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ	50.000.000.000	50.000.000.000	147.500.000.000	147.500.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ	77.900.000.000	77.900.000.000	37.623.000.000	37.623.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đền Hùng	-	-	31.515.000.000	31.515.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc	43.960.000.000	43.960.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hùng Vương	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thị xã Phú Thọ	25.000.000.000	25.000.000.000	-	-

14.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm VND			Số đầu năm VND			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	
Đầu tư vào công ty con:	8.000.000.000	-	(*)	8.000.000.000	-	(*)	
Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào công ty con của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:							
Tên công ty con	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Vốn điều lệ (VND)	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Giá trị hợp lý (VND)
Công ty Cổ phần LICOGI 14.6	80%	80%	80%	10.000.000.000	8.000.000.000	-	(*)
Cộng					8.000.000.000	-	-

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty con để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

15 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất và nhà cửa
NGUYÊN GIÁ	
Số đầu năm	-
Tăng trong năm	27.344.829.481
Tăng từ xây dựng cơ bản	25.254.229.481
Tăng khác	2.090.600.000
Số cuối năm	27.344.829.481
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số đầu năm	-
Tăng trong năm	280.320.672
Khấu hao trong năm	280.320.672
Số cuối năm	280.320.672
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Số đầu năm	-
Số cuối năm	27.064.508.809

16 TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ từ người mua trả tiền trước mua đất nền Dự án khu đô thị Minh Phương nhưng chưa bàn giao tại ngày kết thúc kỳ kế toán	4.254.797.892	2.243.703.268

17 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất. Chi tiết như sau:

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Đơn vị tính: VND Giá trị còn lại
Số đầu năm	156.020.000	104.865.000	51.155.000
Tăng trong năm	-	8.196.000	-
Số cuối năm	156.020.000	113.061.000	42.959.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

18 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số đầu năm	8.031.761.036	51.364.894.247	27.230.908.639	66.672.727	86.694.236.649
Tăng trong năm	-	120.000.000	-	124.213.636	244.213.636
Đầu tư, mua sắm trong năm		120.000.000		124.213.636	244.213.636
Giảm trong năm	-	3.055.691.996	-	66.672.727	3.122.364.723
Thanh lý, nhượng bán	-	3.055.691.996	-	66.672.727	3.122.364.723
Số cuối năm	8.031.761.036	48.429.202.251	27.230.908.639	124.213.636	83.816.085.562
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số đầu năm	5.096.804.024	51.189.813.778	21.091.067.362	66.672.727	77.444.357.891
Tăng trong năm	376.500.272	180.080.469	844.023.088	28.278.032	1.428.881.861
Khấu hao trong năm	376.500.272	180.080.469	844.023.088	28.278.032	1.428.881.861
Giảm trong năm	-	3.055.691.996	-	66.672.727	3.122.364.723
Thanh lý, nhượng bán	-	3.055.691.996	-	66.672.727	3.122.364.723
Số cuối năm	5.473.304.296	48.314.202.251	21.935.090.450	28.278.032	75.750.875.029
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số đầu năm	2.934.957.012	175.080.469	6.139.841.277	-	9.249.878.758
Số cuối năm	2.558.456.740	115.000.000	5.295.818.189	95.935.604	8.065.210.533

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 69.070.577.334 VND (tại ngày 31/12/2019 là 65.314.427.921 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2020 là 5.295.818.189 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

19 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Trong năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	VND		VND		VND	VND
19.1 Ngắn hạn					1.100.000.000	8.639.209.900
Các khoản vay					1.100.000.000	8.639.209.900
19.2 Dài hạn					1.650.000.000	2.750.000.000
Các khoản vay					1.650.000.000	2.750.000.000
Các khoản vay		Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm
		VND		VND		VND
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
		trả nợ				trả nợ
Vay ngắn hạn	-	-	-	7.539.209.900	7.539.209.900	7.539.209.900
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ	-	-	-	7.539.209.900	7.539.209.900	7.539.209.900
Nợ dài hạn đến hạn trả	1.100.000.000	1.100.000.000	1.100.000.000	1.100.000.000	1.100.000.000	1.100.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (*)	1.100.000.000	1.100.000.000	1.100.000.000	1.100.000.000	1.100.000.000	1.100.000.000
Vay dài hạn	1.650.000.000	1.650.000.000	-	1.100.000.000	2.750.000.000	2.750.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (*)	1.650.000.000	1.650.000.000	-	1.100.000.000	2.750.000.000	2.750.000.000
Cộng	2.750.000.000	2.750.000.000	1.100.000.000	9.739.209.900	11.389.209.900	11.389.209.900

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

19 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(*) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 01/2018/39912/HĐTD ngày 25/05/2018 ký giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ:

Mục đích vay:	Mua xe ô tô bơm bê tông
Lãi suất vay:	8%/năm
Thời hạn vay:	60 tháng
Tài sản đảm bảo:	Khoản vay được đảm bảo bằng ô tô bơm bê tông giá trị 7.061.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2018/399127/HĐTC ngày 06/06/2018.

20 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	
Ngắn hạn	5.464.763.510	9.432.413.655	
Các khoản phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải trả	1.194.339.100	3.222.445.136	
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Yên Bái</i>	436.493.500	1.578.284.136	
<i>Công ty TNHH Cửa Khánh Phương</i>	40.695.000	1.644.161.000	
<i>Trung tâm Kiểm định Chất lượng Công trình Xây dựng Phú Thọ</i>	717.150.600	-	
Phải trả cho các đối tượng khác	4.270.424.410	6.209.968.519	
Phải trả người bán là các bên liên quan			
	Mối quan hệ		
<i>Công ty Cổ phần LICOGI 14.6</i>	<i>Công ty con</i>	92.822.098	637.633.101
<i>Công ty Cổ phần LICOGI 13</i>	<i>Cùng cổ đông lớn là Tổng Công ty LICOGI - CTCP</i>	174.290.208	174.290.208
<i>Công ty Cổ phần Tư vấn LICOGI</i>	<i>Cùng cổ đông lớn là Tổng Công ty LICOGI - CTCP</i>	118.002.360	367.513.360

21 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Khách hàng mua đất nền trả tiền trước - Dự án Khu đô thị Minh Phương	46.970.228.344	23.388.745.641
Khách hàng trả trước hợp đồng xây lắp	1.000.000.000	-
Cộng	47.970.228.344	23.388.745.641

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

22 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	6.107.792.120	4.990.918.941	1.116.873.179
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.289.186.023	7.589.823.639	8.115.989.064	1.763.020.598
Thuế thu nhập cá nhân	36.098.681	530.130.292	526.924.278	39.304.695
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	5.625.547.066	5.625.547.066	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	29.482.280	29.482.280	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	7.000.000	7.000.000	-
Cộng	2.325.284.704	19.889.775.397	19.295.861.629	2.919.198.472

23 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn	9.173.698.059	-
Doanh thu nhận trước cho thuê kiot dịch vụ thương mại Khu đô thị Minh Phương	9.173.698.059	-

24 PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn	62.191.169.507	3.545.925.729
Kinh phí công đoàn	58.608.391	27.593.870
Các khoản phải trả, phải nộp khác	62.132.561.116	3.518.331.859
<i>Hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án khu đô thị Nam Minh Phương (*)</i>	<i>55.410.802.168</i>	-
<i>Hỗ trợ mở nút giao thông vào khu đô thị Minh Phương (*)</i>	<i>1.700.000.000</i>	-
<i>Kinh phí hoàn chỉnh quy hoạch khu đô thị sinh thái huyện Phù Ninh (*)</i>	<i>3.446.923.000</i>	-
<i>Phải trả khác</i>	<i>1.574.835.948</i>	<i>3.518.331.859</i>

(*) Các khoản kinh phí hỗ trợ này được trích nguồn từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần LICOGI 14 ngày 30/06/2020 tổng số tiền là 61.579.402.168 VND. Tổng kinh phí còn lại chưa sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 60.557.725.168 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

25 VỐN CHỦ SỞ HỮU

BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	149.991.800.000	15.707.119.000	(2.000.000)	26.886.639.977	130.134.748.868	322.718.307.845
Tăng trong năm trước	34.827.500.000	-	-	7.937.263.632	79.312.261.223	122.077.024.855
Tăng vốn trong năm trước	34.827.500.000	-	-	-	-	34.827.500.000
Lợi nhuận tăng trong năm trước	-	-	-	-	79.312.261.223	79.312.261.223
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	7.937.263.632	-	7.937.263.632
Giảm trong năm trước	-	-	-	-	64.542.104.848	64.542.104.848
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	64.542.104.848	64.542.104.848
Số cuối năm trước	184.819.300.000	15.707.119.000	(2.000.000)	34.823.903.609	144.904.905.243	380.253.227.852
Số đầu năm nay	184.819.300.000	15.707.119.000	(2.000.000)	34.823.903.609	144.904.905.243	380.253.227.852
Tăng trong năm	59.136.370.000	-	-	3.490.320.738	34.372.769.841	96.999.460.579
Tăng vốn trong năm	59.136.370.000	-	-	-	-	59.136.370.000
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	34.372.769.841	34.372.769.841
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	3.490.320.738	-	3.490.320.738
Giảm trong năm	-	15.707.119.000	-	-	117.981.429.583	133.688.548.583
Giảm vốn trong năm	-	15.707.119.000	-	-	-	15.707.119.000
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	117.981.429.583	117.981.429.583
Số cuối năm	243.955.670.000	-	(2.000.000)	38.314.224.347	61.296.245.501	343.564.139.848

CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cổ phần	Tỷ lệ	Số cổ phần	Tỷ lệ
Vốn góp của Nhà nước (Tổng Công ty LICOGI - CTCP)	6.328.590	25,94%	4.794.388	25,94%
Ông Phạm Gia Lý	1.725.749	7,07%	1.107.386	5,99%
Bà Nguyễn Thúy Ngu	1.213.467	4,97%	919.294	4,97%
Vốn góp của các đối tượng khác	15.127.761	62,01%	11.660.862	63,09%
Cộng	24.395.567	100%	18.481.930	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

25 VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ CHIA CỔ TỨC, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

	Năm nay VND	Năm trước VND
25.a Vốn góp của chủ sở hữu		
Số đầu năm	184.819.300.000	149.991.800.000
Tăng trong năm	59.136.370.000	34.827.500.000
Tăng vốn chủ sở hữu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	21.254.241.000	-
Tăng vốn chủ sở hữu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần	15.707.119.000	-
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	22.175.010.000	31.798.850.000
Phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty	-	3.028.650.000
Số cuối năm	243.955.670.000	184.819.300.000

25.b Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	144.904.905.243	130.134.748.868
Tăng trong năm	34.372.769.841	79.312.261.223
Lợi nhuận tăng trong năm	34.372.769.841	79.312.261.223
Giảm trong năm	117.981.429.583	64.542.104.848
Phân phối lợi nhuận năm trước (*)	111.106.875.615	48.679.652.604
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 12%)	22.175.010.000	31.798.850.000
Trích quỹ đầu tư phát triển (**)	53.043.754	6.037.510
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (**)	4.045.178.693	16.874.765.094
Tăng vốn chủ sở hữu	21.254.241.000	-
Trích kinh phí an sinh, xã hội, nhân đạo, từ thiện	2.000.000.000	-
Trích nguồn tài trợ lập quỹ hoạch khu đô thị sinh thái thị trấn huyện Phù Ninh	4.000.000.000	-
Trích nguồn hỗ trợ kinh phí mở nút giao thông vào khu đô thị Minh Phương	2.000.000.000	-
Trích nguồn hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án bất động sản Nam Minh Phương	55.579.402.168	-
Tạm phân phối lợi nhuận năm nay	6.874.553.968	15.862.452.244
Trích quỹ đầu tư phát triển	3.437.276.984	7.931.226.122
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	3.437.276.984	7.931.226.122
Số cuối kỳ	61.296.245.501	144.904.905.243

(*) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần LICOGI 14 ngày 30/06/2020.

(**) Trích bổ sung chênh lệch giữa số trích lập Đại hội đồng cổ đông thông qua và số tạm trích trong năm 2019.

25.c Cổ phiếu

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.395.567	18.481.930
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.395.567	18.481.930
Cổ phiếu phổ thông	24.395.567	18.481.930
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	200	200
Cổ phiếu phổ thông	200	200
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.395.367	18.481.730
Cổ phiếu phổ thông	24.395.367	18.481.730
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/ cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

26 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nợ khó đòi đã xử lý	1.856.087.824	1.856.087.824
Cộng	1.856.087.824	1.856.087.824

27 DOANH THU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	78.436.496.001	206.160.582.280
Doanh thu bán bê tông thương phẩm	1.942.153.348	3.407.673.630
Doanh thu kinh doanh bất động sản	54.229.846.288	176.142.743.805
Doanh thu hợp đồng xây dựng	22.264.496.365	26.610.164.845
Các khoản giảm trừ	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	78.436.496.001	206.160.582.280

28 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của bê tông thương phẩm đã bán	1.829.288.476	3.215.305.127
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản	15.135.435.936	58.565.203.742
Giá vốn hợp đồng xây dựng	21.283.421.889	24.977.981.307
Cộng	38.248.146.301	86.758.490.176

29 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	17.366.592.159	16.979.461.659
Cổ tức	424.350.032	-
Cộng	17.790.942.191	16.979.461.659

30 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	375.906.842	826.163.019
Cộng	375.906.842	826.163.019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

31 CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí bán hàng	9.354.451.587	24.201.435.055
Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí bán hàng	9.353.869.715	24.201.435.055
<i>Chi phí bán hàng dự án khu đô thị Minh Phương</i>	<i>9.353.869.715</i>	<i>24.201.435.055</i>
Các khoản chi phí bán hàng khác	581.872	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.532.155.406	12.340.867.472
Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí quản lý doanh nghiệp	5.813.660.987	9.112.769.308
<i>Chi phí lương và các khoản trích theo lương</i>	<i>5.497.498.306</i>	<i>4.495.245.583</i>
<i>Dự phòng phải thu khó đòi</i>	<i>316.162.681</i>	<i>4.617.523.725</i>
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.718.494.419	3.228.098.164

32 LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	337.636.364	168.000.000
Thu nhập khác	337.636.364	168.000.000
Phạt vi phạm hành chính	100.000.000	4.849.350
Tiền chậm nộp thuế	2.915.564	-
Chi phí khác	102.915.564	4.849.350
Lợi nhuận khác	234.720.800	163.150.650

33 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Hoạt động kinh doanh bất động sản	Hoạt động kinh doanh khác	Tổng cộng
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (1)	29.739.958.765	10.211.540.091	39.951.498.856
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán			
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (2)</i>	-	<i>320.915.564</i>	<i>320.915.564</i>
Phạt vi phạm hành chính và tiền chậm nộp thuế	-	102.915.564	102.915.564
Thù lao HĐQT không tham gia điều hành	-	218.000.000	218.000.000
<i>Các khoản điều chỉnh giảm (3)</i>	-	<i>424.350.032</i>	<i>424.350.032</i>
Cổ tức nhận được	-	424.350.032	424.350.032
Tổng lợi nhuận tính thuế (4)=(1)+(2)-(3)	29.739.958.765	10.108.105.623	39.848.064.388
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (5)	20%	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (6)=(4)*(5)	5.947.991.753	2.021.621.125	7.969.612.878
Số thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm theo Nghị định số 114/2020/NĐ-CP (7)=(6)*30%	1.784.397.526	606.486.337	2.390.883.863
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này (8)=(6)-(7)	4.163.594.227	1.415.134.788	5.578.729.015
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp từ hoạt động kinh doanh bất động sản (9)	2.011.094.624	-	2.011.094.624
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (10)=(8)+(9)	6.174.688.851	1.415.134.788	7.589.823.639

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

*Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng***34 CHI PHÍ/(THU NHẬP) THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí/(Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ từ người mua trả tiền trước mua đất nền Dự án khu đô thị Minh Phương nhưng chưa bàn giao tại ngày kết thúc kỳ kế toán	(2.011.094.624)	8.067.139.650
Cộng	(2.011.094.624)	8.067.139.650

35 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	14.040.105.335	29.424.850.849
Chi phí nhân công	16.083.618.965	16.943.044.033
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.717.398.533	1.864.176.725
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.090.820.106	7.429.684.225
Chi phí khác	2.950.735.638	7.327.977.294
Cộng	50.882.678.577	62.989.733.126

36 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Các loại công cụ tài chính**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số 4.22.

	Giá trị ghi sổ Số cuối năm VND	Giá trị ghi sổ Số đầu năm VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	96.132.023.159	19.586.454.014
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	206.860.000.000	256.638.000.000
Phải thu của khách hàng	17.034.452.544	4.073.046.739
Phải thu khác	20.004.698.817	14.700.596.581
Cộng	340.031.174.520	294.998.097.334
Nợ tài chính		
Phải trả người bán	5.464.763.510	9.432.413.655
Phải trả khác	62.191.169.507	3.545.925.729
Vay và nợ thuê tài chính	2.750.000.000	11.389.209.900
Cộng	70.405.933.017	24.367.549.284

Công ty trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính theo giá trị hợp lý. Công ty đã trình bày giá trị hợp lý của công cụ tài chính theo hướng dẫn về thuyết minh báo cáo tài chính của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính tại một số thuyết minh ở phần trên.

11558
CÔNG T
H NHIỆM
IỂM TC
N VỊ
H NHÀ
HÀ NỘ
VẤY

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

37 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan:

	Mối quan hệ	Năm nay VND	Năm trước VND
Mua hàng			
Công ty Cổ phần LICOGI 14.6	Công ty con	7.551.492.217	12.725.365.363
Thanh lý nhượng bán tài sản cố định			
Công ty Cổ phần LICOGI 14.6	Công ty con	-	168.000.000
Cổ tức nhận được bằng tiền			
Công ty Cổ phần LICOGI 14.6	Công ty con	424.350.032	-
	Mối quan hệ	Năm nay Cổ phiếu	Năm trước Cổ phiếu
Trả cổ tức bằng cổ phiếu			
Tổng Công ty LICOGI - CTCP	Cổ đông lớn	575.326	832.082
Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát		185.989	249.483
Cổ phiếu thương			
Tổng Công ty LICOGI - CTCP		958.876	-
Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát		309.954	201.000
Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát		Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thưởng và các khoản phụ cấp		3.839.286.673	1.686.685.423
Cộng		3.839.286.673	1.686.685.423

38 THÔNG TIN KHÁC

Tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng theo Giấy chứng nhận chào bán số 09/GCN-UBCK ngày 07/02/2018 của UBCK:

a. Phương án sử dụng vốn:

Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán là 89,9 tỷ đồng được sử dụng để:

- Mua máy móc thiết bị: 9,9 tỷ đồng (trong đó mua xe bơm bê tông thương phẩm 90 m³/h là 6,3 tỷ đồng, mua ô tô trộn bê tông tươi 9 m³ là 2,2 tỷ đồng và mua máy đào bánh lốp là 1,4 tỷ đồng);
- Xây dựng dự án Kiot dịch vụ thương mại thuộc Khu đô thị Minh Phương: 20 tỷ đồng;
- Giải phóng mặt bằng Dự án Khu đô thị Nam Minh Phương: 60 tỷ đồng.

101 - 2020 - 2/5

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

*Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng***38 THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****b. Tiến độ sử dụng vốn tính đến ngày 31/12/2020:**

- Mua máy móc thiết bị: Công ty đã sử dụng 2,252 tỷ đồng để mua xe bơm bê tông thương phẩm 90 m³/h (giá trị xe 7,752 tỷ đồng trong đó 2,252 tỷ đồng từ tiền thu được từ đợt phát hành và 5,5 tỷ đồng vay lãi suất ưu đãi 8% từ Ngân hàng Đầu tư phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ).
- Xây dựng dự án Kiot dịch vụ thương mại thuộc Khu đô thị Minh Phương: Số tiền lũy kế Công ty sử dụng để đầu tư xây dựng kiot dịch vụ thương mại Khu đô thị Minh Phương (tên thương mại là dự án xây dựng khu kinh doanh dịch vụ thương mại LICOGI 14 Plaza) tính đến ngày 31/12/2020 là 27,779 tỷ đồng. Trong đó sử dụng nguồn vốn từ đợt phát hành 20 tỷ đồng, số còn lại 7,779 tỷ đồng từ vốn tự có của Công ty.
- Giải phóng mặt bằng Dự án Khu đô thị Nam Minh Phương: Ngày 11/06/2020, UBND tỉnh Phú Thọ có Quyết định số 1247/QĐ-UBND phê duyệt Liên danh nhà đầu tư Công ty Cổ phần LICOGI 14 và Công ty Cổ phần LICOGI 16 trúng thầu dự án Khu đô thị mới Nam Minh Phương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Ngày 21/07/2020, Liên danh Công ty Cổ phần LICOGI 14 và Công ty Cổ phần LICOGI 16 đã ký kết hợp đồng dự án có sử dụng đất số 01/2020/HĐDA về việc triển khai thực hiện dự án Khu đô thị mới Nam Minh Phương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Hiện nay, dự án đã thành lập Hội đồng đền bù giải phóng mặt bằng, đang tiến hành thông báo thu hồi đất đến các hộ dân, kê khai, kiểm đếm, sau đó tiến hành họp dân, áp giá, trình phê duyệt phương án đơn giá đền bù giải phóng mặt bằng và tiến hành chi trả. Dự kiến thời gian bắt đầu giải ngân chi phí giải phóng mặt bằng từ quý I/2021, giá trị bồi thường thay đổi theo thực tế triển khai dự án.

39 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính riêng năm 2019 của Công ty Cổ phần LICOGI 14 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt - Chi nhánh Hà Nội.

Phú Thọ, ngày 03 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Nga

Kế toán trưởng



Hà Văn Lợi

Tổng Giám đốc



Lại Xuân Hùng





anviet
Certified Public Accountants

Công ty TNHH Kiểm toán An Việt
www.anvietcpa.com

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 14

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	05 - 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	08
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	09 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần LICOGI 14 (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty

Các thành viên Hội đồng quản trị Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Gia Lý	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Bà Phan Lan Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Thành viên
Ông Phạm Hùng Cường	Thành viên
Ông Lại Xuân Hùng	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Gia Lý	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/08/2020)
Ông Lại Xuân Hùng	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/08/2020)
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Hàng Hải	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban kiểm soát Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Vũ Thị Vân Nga	Trưởng ban kiểm soát
Ông Hoàng Như Thái	Thành viên
Ông Phạm Hồng Quân	Thành viên

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Lại Xuân Hùng
Tổng Giám đốc

Phủ Thọ, ngày 03 tháng 03 năm 2021

1107 - CT - K - 1211

Số: 14/2021/KT-AVHN-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần LICOGI 14**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần LICOGI 14 (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 03/03/2021, từ trang 05 đến trang 34, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần LICOGI 14 tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Đỗ Dương Tùng

Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

2904-2019-055-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT – CHI NHÁNH HÀ NỘI

Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2021

Đào Thị Thúy Hà

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

1785-2018-055-1

55
NG
HIỆM
T
VI
HÀ
NỘI

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 34 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU B01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		457.803.101.342	418.454.516.365
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	96.779.627.586	20.386.457.908
1. Tiền	111		11.129.627.586	20.386.457.908
2. Các khoản tương đương tiền	112		85.650.000.000	-
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	14	208.660.000.000	259.438.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		208.660.000.000	259.438.000.000
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		40.754.455.563	20.388.146.119
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	22.028.828.553	9.240.704.626
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	4.552.221.109	2.106.407.500
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	8.1	19.107.092.307	13.658.557.718
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(4.933.686.406)	(4.617.523.725)
IV- Hàng tồn kho	140		111.396.696.854	117.786.624.782
1. Hàng tồn kho	141	11	111.396.696.854	117.786.624.782
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		212.321.339	455.287.556
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.1	172.412.139	193.326.424
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		39.909.200	256.572.322
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	22.2	-	5.388.810
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		53.368.454.364	45.569.310.469
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		1.115.069.000	1.115.069.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	8.2	1.115.069.000	1.115.069.000
II- Tài sản cố định	220		12.359.823.291	14.300.571.634
1. Tài sản cố định hữu hình	221	17	10.757.860.997	12.616.345.356
- Nguyên giá	222		91.325.773.031	94.203.924.118
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(80.567.912.034)	(81.587.578.762)
3. Tài sản cố định vô hình	227	18	1.601.962.294	1.684.226.278
- Nguyên giá	228		2.694.418.201	2.694.418.201
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.092.455.907)	(1.010.191.923)
III- Bất động sản đầu tư	230	13	27.064.508.809	-
- Nguyên giá	231		27.344.829.481	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(280.320.672)	-
IV- Tài sản dở dang dài hạn	240		2.997.446.615	24.792.579.320
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	2.997.446.615	24.792.579.320
VI- Tài sản dài hạn khác	260		9.831.606.649	5.361.090.515
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.2	5.576.808.757	3.117.387.247
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	4.254.797.892	2.243.703.268
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		511.171.555.706	464.023.826.834

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 34 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU B01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		164.467.766.638	81.139.825.453
I- Nợ ngắn hạn	310		162.817.766.638	78.389.825.453
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	5.671.959.665	8.961.428.754
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	20	47.980.228.344	23.388.745.641
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	22.1	3.197.337.344	2.506.374.285
4. Phải trả người lao động	314		1.007.648.848	784.101.712
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	23	9.173.698.059	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	24	62.268.503.841	3.590.923.649
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21.1	1.100.000.000	8.639.209.900
12. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		32.418.390.537	30.519.041.512
II- Nợ dài hạn	330		1.650.000.000	2.750.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21.2	1.650.000.000	2.750.000.000
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		346.703.789.068	382.884.001.381
I- Vốn chủ sở hữu	410	25	346.703.789.068	382.884.001.381
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	25.a	243.955.670.000	184.819.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		243.955.670.000	184.819.300.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	15.707.119.000
5. Cổ phiếu quỹ	415		(2.000.000)	(2.000.000)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		38.486.876.536	34.904.172.400
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	25.b	62.035.312.688	145.329.255.275
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		34.222.379.660	81.455.096.264
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		27.812.933.028	63.874.159.011
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.227.929.844	2.126.154.706
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		511.171.555.706	464.023.826.834

Phủ Thọ, ngày 03 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Nga

Kế toán trưởng



Hà Văn Lợi



Tổng Giám đốc

Lại Xuân Hùng

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 34 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU B02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	116.784.692.407	256.881.276.805
2. Các khoản giảm trừ	02	27	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	27	116.784.692.407	256.881.276.805
4. Giá vốn hàng bán	11	28	68.605.171.333	130.432.313.761
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		48.179.521.074	126.448.963.044
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	17.588.140.395	17.183.958.724
7. Chi phí tài chính	22	30	375.906.842	826.163.019
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		375.906.842	826.163.019
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	31	15.288.949.047	29.374.153.820
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	9.467.661.604	13.589.664.809
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}	30		40.635.143.976	99.842.940.120
12. Thu nhập khác	31	32	337.702.364	168.000.000
13. Chi phí khác	32	32	102.915.564	5.683.947
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	32	234.786.800	162.316.053
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		40.869.930.776	100.005.256.173
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	33	7.777.813.112	11.962.808.374
17. Chi phí/Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	34	(2.011.094.624)	8.067.139.650
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		35.103.212.288	79.975.308.149
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		34.872.253.792	79.842.698.764
20. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	62		230.958.496	132.609.385
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	1.544	4.204

Phủ Thọ, ngày 03 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Nga

Kê toán trưởng



Hà Văn Lợi

Tổng Giám đốc



Lại Xuân Hùng

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 34 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

Mẫu B03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		40.869.930.776	100.005.256.173
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		2.465.282.651	2.622.244.813
- Các khoản dự phòng	03		316.162.681	4.617.523.725
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(17.925.776.759)	(17.351.958.724)
- Chi phí lãi vay	06		375.906.842	826.163.019
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		26.101.506.191	90.719.229.006
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(24.491.696.435)	4.413.792.796
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		6.661.512.473	59.669.107.682
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		31.823.401.340	(80.996.694.876)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(4.529.107.225)	425.506.549
- Tiền lãi vay đã trả	14		(375.906.842)	(826.163.019)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(8.271.214.813)	(11.009.399.947)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(8.801.584.034)	(6.755.243.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		18.116.910.655	55.640.134.591
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(5.819.584.078)	(22.000.124.703)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22		337.636.364	168.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(306.060.000.000)	(232.438.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		356.838.000.000	185.282.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		21.619.416.637	11.437.568.545
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		66.915.468.923	(57.550.556.158)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	17.027.380.800
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(8.639.209.900)	(10.588.170.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(8.639.209.900)	6.439.209.900
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		76.393.169.678	4.528.788.333
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		20.386.457.908	15.857.669.575
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	5	96.779.627.586	20.386.457.908

Phủ Thọ, ngày 03 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Thanh Nga

Hà Văn Lợi

Lại Xuân Hùng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B09 – DN/HN

*Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 34 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần LICOGI 14 tiền thân là Công ty Cơ giới và Xây lắp số 14 được thành lập theo Quyết định số 055A/BXD-TCLD ngày 02/01/1996 của Bộ Xây dựng. Công ty Cơ giới và Xây lắp số 14 được chuyển thành Công ty Cổ phần LICOGI 14 theo Quyết định số 1453/QĐ-BXD ngày 18/07/2005 của Bộ Xây dựng và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1803000339 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp lần đầu ngày 12/09/2005, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 ngày 04/09/2020.

Tại ngày 31/12/2020, vốn điều lệ của Công ty là 243.955.670.000 VND được chia thành 24.395.567 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 2068, đại lộ Hùng Vương, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh: Xây lắp, kinh doanh thương mại và bất động sản.**1.3. Ngành nghề kinh doanh**

- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San ủi, đào đắp, bóc xúc đất đá;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông;
- Lắp đặt hệ thống điện. Chi tiết: Lắp đặt đường điện và lắp đặt trạm biến áp đến 35KV;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, công trình công ích, hoàn thiện công trình xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Đầu tư và kinh doanh phát triển nhà, khu đô thị mới, khu cụm công nghiệp;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Đầu tư các dự án thủy điện vừa và nhỏ (kể cả thủy điện và nhiệt điện);
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao. Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh ống cống bê tông cốt thép, gạch Block và các loại vật liệu khác;
- Khai thác đá, cát sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác, chế biến đá các loại, khai thác cát, sỏi, khai thác đất sét;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ xăng, dầu, mỡ các loại.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không xác định được một cách rõ ràng và do đó được mặc định là 12 tháng.**1.5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất:** không có yếu tố ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 – DN/HN

Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 34 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

1.6 Cấu trúc doanh nghiệp:

Đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
A Các đơn vị trực thuộc hạch toán báo sổ		
1 Chi nhánh Hà Nội	Số 34 ngõ 2, Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
2 Chi nhánh Đầu tư và Xây dựng 14.2	Tầng 3, số 2068 đại lộ Hùng Vương, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	Xây dựng nhà các loại Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng
3 Chi nhánh Lào Cai	Km 36, thôn Cốc Sấm 5, xã Phong Niên, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai	Xây dựng công trình công ích
4 Chi nhánh Xây dựng giao thông Licogi 14.8	Tổ 1, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
B Các công ty con		
1 Công ty Cổ phần Licogi 14.6	Số 2068 đại lộ Hùng Vương, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng

Tại ngày 31/12/2020, Công ty có 1 công ty con (tại ngày 01/01/2020: 1 công ty con) chi tiết như sau:

Đơn vị	Vốn điều lệ (VND)	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
		Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty Cổ phần Licogi 14.6	10.000.000.000	80%	80%	80%	80%

1.7. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính:** Các thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể so sánh được.

2. **KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. **CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

4. **TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 – DN/HN

*Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 34 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất***4.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Tất cả nghiệp vụ, số dư nội bộ và lãi/lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty thì báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng trong phần vốn chủ sở hữu. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh.

4.2. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

4.4. Các khoản đầu tư tài chính**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Phản ánh các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng (ngắn hạn) và trên 12 tháng (dài hạn) kể từ thời điểm báo cáo (ngoài các khoản chứng khoán kinh doanh), bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 – DN/HN

*Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 34 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất***4.5. Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: các khoản tạm ứng, lãi dự thu và các khoản phải thu khác.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ 06 tháng trở lên và các khoản phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn, phù hợp với quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài chính.

4.6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc, trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì hàng tồn kho được xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm, bất động sản đang xây dựng và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của hợp đồng xây dựng, giá gốc bao gồm chi phí tiền sử dụng đất, các chi phí xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng, chi phí trực tiếp và chi phí chung khác có liên quan. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

4.7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 – DN/HN

*Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 34 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất***4.7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, số khấu hao được tính bằng nguyên giá chia (:) cho thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25
Máy móc, thiết bị	3 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5

4.8. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình hình thành từ mua sắm và đầu tư chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định vô hình:

- Chi phí phát sinh có khả năng làm cho tài sản cố định vô hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu;
- Chi phí được xác định một cách chắc chắn và gắn liền với tài sản cố định vô hình cụ thể.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	Số năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn	19 - 50
Tài sản cố định vô hình khác	40,5

4.9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê.

Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư cho thuê. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Quyền sử dụng đất và nhà cửa kiot dịch vụ thương mại khu đô thị Minh Phương: 45,25 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 – DN/HN

*Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 34 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất***4.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như đối với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được ghi nhận theo thực tế phát sinh, bao gồm: Công cụ dụng cụ xuất dùng, chi phí sửa chữa tài sản cố định, thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ của hoạt động cho thuê kiot thương mại Khu đô thị Minh Phương và quyền sử dụng đất có thời hạn chờ phân bổ.

Công cụ, dụng cụ xuất dùng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 36 tháng kể từ khi phát sinh.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 36 tháng kể từ khi phát sinh.

Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ của hoạt động cho thuê kiot thương mại Khu đô thị Minh Phương được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Quyền sử dụng đất có thời hạn chờ phân bổ được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê đất.

Công ty căn cứ vào thời gian trả trước theo hợp đồng của từng loại chi phí để phân loại chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn và không thực hiện tái phân loại tại thời điểm báo cáo.

4.12. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán;

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Kinh phí công đoàn và các khoản phải trả khác.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

4.13. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản đi vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

4.14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

36
31
MA
TO
HAI
OI
-T
K

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 – DN/HN

*Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 34 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất***4.15. Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước đối với số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán của hoạt động cho thuê kiot dịch vụ thương mại Khu đô thị Minh Phương.

Hàng kỳ, Công ty tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện và doanh thu trong kỳ phù hợp với thời gian cho thuê tài sản.

4.16. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán phản ánh vốn góp của cổ đông trong và ngoài doanh nghiệp, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông góp cổ phần, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Các quỹ và lợi nhuận sau thuế được trích lập và phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc tạm trích theo Điều lệ Công ty và được trích lập bổ sung/điều chỉnh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

4.17. Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền đối với hợp đồng không hủy ngang được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất;
- Công ty đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Doanh thu cho thuê bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

PH/QU/AN/T/PH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 – DN/HN

*Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 34 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất***4.17. Doanh thu và thu nhập khác (tiếp theo)**

Doanh thu hợp đồng xây dựng: đối với hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: Lãi tiền gửi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

4.18. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo thực tế phát sinh phù hợp với doanh thu, bao gồm: trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản bán trong kỳ; giá vốn của hoạt động cho thuê bất động sản; giá thành của hoạt động xây lắp; giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

4.19. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm lãi vay được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở số tiền vay và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.20. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ của kỳ kế toán, bao gồm: chi phí lương nhân viên bộ phận bán hàng; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên bán hàng; chi phí vận chuyên, bốc xếp, khấu hao tài sản cố định dùng cho bán hàng, tiền công tác phí cho nhân viên bộ phận bán hàng,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty phát sinh trong kỳ kế toán, bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách,...).

4.21. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. Thu nhập thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 – DN/HN

*Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 34 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất***4.21. Thuế (tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính, khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, đối với tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và

khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định các loại thuế của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về các loại thuế tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.22. Công cụ tài chính*Ghi nhận ban đầu*Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, các khoản phải trả khác và các khoản vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 – DN/HN

*Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 34 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất***4.22. Công cụ tài chính (tiếp theo)***Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại, chưa có quy định về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó, giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá gốc.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4.23. Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác.

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: Những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 6, 7, 19, 38.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN/HN

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 34 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

5 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	1.525.510.843	3.059.246.698
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.604.116.743	17.327.211.210
Các khoản tương đương tiền (*)	85.650.000.000	-
Cộng	96.779.627.586	20.386.457.908

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng tại các ngân hàng với lãi suất 3,3%/năm.

6 PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn	22.028.828.553	9.240.704.626
Các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng	20.905.854.043	6.838.584.043
<i>Công ty Cổ phần Cầu 11 Thăng Long</i>	<i>4.301.361.043</i>	<i>4.301.361.043</i>
<i>Ban quản lý Dự án Xây dựng Đô thị - Sở Xây dựng Lào Cai</i>	<i>1.059.223.000</i>	<i>1.059.223.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Cường Thịnh Thi</i>	<i>2.710.100.000</i>	<i>1.478.000.000</i>
<i>Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Phúc Khánh Phú Thọ</i>	<i>12.835.170.000</i>	-
Các khoản phải thu của khách hàng khác	1.122.974.510	2.402.120.583
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan		
<i>Tổng Công ty LICOGI - CTCP</i>	<i>632.325.363</i>	<i>632.325.363</i>
	Mối quan hệ	
	<i>Cổ đông lớn</i>	

7 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn	4.552.221.109	2.106.407.500
Các khoản trả trước cho người bán chiếm từ 10% trở lên trên tổng trả trước cho người bán	2.925.811.800	827.300.000
<i>Công ty Cổ phần Tư vấn LICOGI</i>	<i>1.660.674.000</i>	<i>200.000.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng và Xây dựng An Phát</i>	<i>637.837.800</i>	-
<i>Viện Quy hoạch và Kiến trúc đô thị</i>	<i>318.900.000</i>	<i>318.900.000</i>
<i>Công ty TNHH Kiến trúc Xây dựng M2 Việt Nam</i>	<i>308.400.000</i>	<i>308.400.000</i>
Trả trước cho các đối tượng khác	1.626.409.309	1.279.107.500
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan		
<i>Công ty Cổ phần Tư vấn LICOGI</i>	<i>1.660.674.000</i>	<i>200.000.000</i>
	Mối quan hệ	
	<i>Cùng cổ đông lớn là</i>	
	<i>Tổng Công ty</i>	
	<i>LICOGI - CTCP</i>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN/HN

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 34 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

8 PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
8.1 Ngắn hạn	19.107.092.307		13.658.557.718	-
Phải thu khác	19.000.980.210	-	13.516.859.952	-
Lãi dự thu	7.528.065.153	-	11.559.341.395	-
Tạm ứng tiền đền bù giải phóng mặt bằng (*)	11.467.075.897	-	1.945.739.000	-
Phải thu khác	5.839.160	-	11.779.557	-
Tạm ứng	106.112.097	-	141.697.766	-
8.2 Dài hạn	1.115.069.000		1.115.069.000	-
Ký cược, ký quỹ	1.115.069.000	-	1.115.069.000	-

(*) Tạm ứng tiền đền bù giải phóng mặt bằng Dự án Khu đô thị Nam Minh Phương (đã có Quyết định số 2089/QĐ-UBND ngày 22/07/2020 về việc thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của UBND thành phố Việt Trì).

9 DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Năm nay VND	Năm trước VND
Ngắn hạn		
Số dư đầu năm	(4.617.523.725)	-
Trích lập dự phòng	(316.162.681)	(4.617.523.725)
Số dư cuối năm	(4.933.686.406)	(4.617.523.725)
Trong đó:		
- Phải thu của khách hàng	(4.933.686.406)	(4.617.523.725)

10 NỢ XẤU

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Các khoản phải thu	4.933.686.406		4.933.686.406	316.162.681
Tổng Công ty LICOGI - CTCP	632.325.363	-	632.325.363	316.162.681
<i>Thời gian quá hạn: trên 3 năm</i>				
<i>Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn</i>	632.325.363	-	632.325.363	316.162.681
Công ty Cổ phần Cầu 11 Thăng Long	4.301.361.043	-	4.301.361.043	-
<i>Thời gian quá hạn: trên 3 năm</i>				
<i>Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn</i>	4.301.361.043	-	4.301.361.043	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN/HN

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 34 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

11 HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	546.084.910	-	772.029.738	-
Công cụ, dụng cụ	4.092.545	-	4.092.545	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - Bất động sản	105.366.488.742	-	108.518.394.179	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - Xây lắp	4.494.001.320	-	6.594.170.600	-
Thành phẩm	13.966.898	-	13.966.898	-
Hàng hoá	972.062.439	-	1.883.970.822	-
Cộng	111.396.696.854	-	117.786.624.782	-

12 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
12.1 Ngắn hạn	172.412.139	193.326.424
Công cụ dụng cụ xuất dùng	142.112.139	163.026.424
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	30.300.000	30.300.000
12.2 Dài hạn	5.576.808.757	3.117.387.247
Công cụ dụng cụ xuất dùng	3.357.849	6.534.412
Quyền sử dụng đất có thời hạn chờ phân bổ	5.481.733.672	2.855.251.676
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	79.217.425	252.187.442
Chi phí trả trước dài hạn khác	12.499.811	3.413.717

13 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất và nhà cửa
NGUYÊN GIÁ	
Số đầu năm	-
Tăng trong năm	27.344.829.481
Tăng từ xây dựng cơ bản	25.254.229.481
Tăng khác	2.090.600.000
Số cuối năm	27.344.829.481
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số đầu năm	-
Tăng trong năm	280.320.672
Khấu hao trong năm	280.320.672
Số cuối năm	280.320.672
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Số đầu năm	-
Số cuối năm	27.064.508.809

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN/HN

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 34 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

14 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	208.660.000.000	198.660.000.000	259.438.000.000	259.438.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng tại:	208.660.000.000	198.660.000.000	259.438.000.000	259.438.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ	51.800.000.000	51.800.000.000	150.300.000.000	150.300.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ	77.900.000.000	77.900.000.000	37.623.000.000	37.623.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đền Hùng	-	-	31.515.000.000	31.515.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc	43.960.000.000	43.960.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hùng Vương	10.000.000.000	-	-	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thị xã Phú Thọ	25.000.000.000	25.000.000.000	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN/HN

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 34 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

15 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	24.792.579.320	1.134.418.992
Tăng trong năm	3.755.447.695	23.658.160.328
Xây dựng cơ bản dở dang	2.667.303.527	23.658.160.328
Sửa chữa lớn tài sản cố định	1.088.144.168	-
Giảm trong năm	25.550.580.400	-
Kết chuyển sang bất động sản đầu tư	25.254.229.481	-
Kết chuyển giảm khác	296.350.919	-
Số cuối năm (*)	2.997.446.615	24.792.579.320

(*) Chi tiết bao gồm:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Kiot dịch vụ thương mại khu đô thị Minh Phương	-	23.009.275.193
Nhà hàng khu đô thị Minh Phương	1.908.251.447	1.781.324.127
Khu đô thị sinh thái trung tâm huyện Phù Ninh	-	1.980.000
Sửa chữa ô tô, máy móc thiết bị	875.550.800	-
Xưởng sửa chữa cơ khí và kho vật tư, thiết bị Minh Phương	213.644.368	-
Cộng	2.997.446.615	24.792.579.320

16 TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ từ số dư người mua trả tiền trước mua đất nền Dự án khu đô thị Minh Phương nhưng chưa bàn giao tại ngày kết thúc kỳ kế toán	4.254.797.892	2.243.703.268

100
 TY
 HỮU
 HẠN
 ỆT
 ANH
 H
 TP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN/HN

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 34 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

17 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số đầu năm	13.805.094.277	53.032.703.747	27.262.726.821	103.399.273	94.203.924.118
Tăng trong năm	-	120.000.000	-	124.213.636	244.213.636
Đầu tư, mua sắm trong năm	-	120.000.000	-	124.213.636	244.213.636
Giảm trong năm	-	3.055.691.996	-	66.672.727	3.122.364.723
Thanh lý, nhượng bán	-	3.055.691.996	-	66.672.727	3.122.364.723
Số cuối năm	13.805.094.277	50.097.011.751	27.262.726.821	160.940.182	91.325.773.031
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số đầu năm	8.164.866.242	52.227.544.137	21.104.011.312	91.157.071	81.587.578.762
Tăng trong năm	876.019.004	331.529.613	854.629.144	40.520.234	2.102.697.995
Khấu hao trong năm	876.019.004	331.529.613	854.629.144	40.520.234	2.102.697.995
Giảm trong năm	-	3.055.691.996	-	66.672.727	3.122.364.723
Thanh lý, nhượng bán	-	3.055.691.996	-	66.672.727	3.122.364.723
Số cuối năm	9.040.885.246	49.503.381.754	21.958.640.456	65.004.578	80.567.912.034
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số đầu năm	5.640.228.035	805.159.610	6.158.715.509	12.242.202	12.616.345.356
Số cuối năm	4.764.209.031	593.629.997	5.304.086.365	95.935.604	10.757.860.997

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 69.714.986.680 VND (tại ngày 31/12/2019 là 65.922.110.721 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2020 là 5.295.818.189 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN/HN

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 34 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

18. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	2.154.318.109	540.100.092	2.694.418.201
Tăng trong năm	-	-	-
Mua trong năm	-	-	-
Số cuối năm	2.154.318.109	540.100.092	2.694.418.201
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số đầu năm	619.071.896	391.120.027	1.010.191.923
Tăng trong năm	123.038.515	7.233.433	130.271.948
Khấu hao trong năm	75.030.551	7.233.433	82.263.984
Phân loại lại	48.007.964	-	48.007.964
Giảm trong năm	-	48.007.964	48.007.964
Phân loại lại	-	48.007.964	48.007.964
Số cuối năm	742.110.411	350.345.496	1.092.455.907
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số đầu năm	1.535.246.213	148.980.065	1.684.226.278
Số cuối năm	1.412.207.698	189.754.596	1.601.962.294

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	
Ngắn hạn	5.671.959.665	8.961.428.754	
Các khoản phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải trả	2.116.710.600	3.631.221.136	
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại T&Q</i>	408.776.000	408.776.000	
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng giao thông Yên Bái</i>	436.493.500	1.578.284.136	
<i>Công ty TNHH Cửa Khánh Phương</i>	40.695.000	1.644.161.000	
<i>Công ty Cổ phần DPS Phú Thọ</i>	513.595.500	-	
<i>Trung tâm Kiểm định Chất lượng Công trình Xây dựng Phú Thọ</i>	717.150.600	-	
Phải trả cho các đối tượng khác	3.555.249.065	5.330.207.618	
Phải trả người bán là các bên liên quan			
<i>Công ty Cổ phần LICOGI 13</i>	Mối quan hệ Cùng cổ đông lớn là Tổng Công ty LICOGI - CTCP	174.290.208	174.290.208
<i>Công ty Cổ phần Tư vấn LICOGI</i>	Cùng cổ đông lớn là Tổng Công ty LICOGI - CTCP	118.002.360	367.513.360

20. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Khách hàng mua đất nền trả tiền trước - Dự án Khu đô thị Minh Phương	46.970.228.344	23.388.745.641
Khách hàng trả trước hợp đồng xây lắp	1.000.000.000	-
Khách hàng trả tiền trước khác	10.000.000	-
Cộng	47.980.228.344	23.388.745.641

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN/HN

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 34 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

21 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm VND		Trong năm VND		Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
	Số có khả năng trả nợ		Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các khoản vay	Giá trị					
21.1 Ngắn hạn					1.100.000.000	8.639.209.900
Các khoản vay					1.100.000.000	8.639.209.900
21.2 Dài hạn					1.650.000.000	2.750.000.000
Các khoản vay					1.650.000.000	2.750.000.000
Vay ngắn hạn					7.539.209.900	7.539.209.900
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ	-	-	-	7.539.209.900	7.539.209.900	7.539.209.900
Nợ dài hạn đến hạn trả	1.100.000.000	1.100.000.000	1.100.000.000	1.100.000.000	1.100.000.000	1.100.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (*)	1.100.000.000	1.100.000.000	1.100.000.000	1.100.000.000	1.100.000.000	1.100.000.000
Vay dài hạn	1.650.000.000	1.650.000.000	-	1.100.000.000	2.750.000.000	2.750.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (*)	1.650.000.000	1.650.000.000	-	1.100.000.000	2.750.000.000	2.750.000.000
Cộng	2.750.000.000	2.750.000.000	1.100.000.000	9.739.209.900	11.389.209.900	11.389.209.900

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN/HN

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 34 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

21 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(*) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 01/2018/39912/HĐTD ngày 25/05/2018 ký giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ:

Mục đích vay:	Mua xe ô tô bơm bê tông
Lãi suất vay:	8%/năm
Thời hạn vay:	60 tháng
Tài sản đảm bảo:	Khoản vay được đảm bảo bằng ô tô bơm bê tông giá trị 7.061.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2018/399127/HĐTC ngày 06/06/2018.

22 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	45.863.832	6.935.068.050	5.753.909.304	1.227.022.578
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.424.411.772	7.777.813.112	8.271.214.813	1.931.010.071
Thuế thu nhập cá nhân	30.709.871	579.745.417	571.150.593	39.304.695
Công ty mẹ	36.098.681	530.130.292	526.924.278	39.304.695
Công ty con	(5.388.810)	49.615.125	44.226.315	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	5.625.547.066	5.625.547.066	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	29.482.280	29.482.280	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	9.000.000	9.000.000	-
Cộng	2.500.985.475	20.956.655.925	20.260.304.056	3.197.337.344
Trong đó:				
22.1 Phải nộp	2.506.374.285			3.197.337.344
22.2 Phải thu	5.388.810			-

23 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn	9.173.698.059	-
Doanh thu nhận trước cho thuê kiot dịch vụ thương mại Khu đô thị Minh Phương	9.173.698.059	-

24 PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn	62.268.503.841	3.590.923.649
Kinh phí công đoàn	58.608.391	27.593.870
Các khoản phải trả, phải nộp khác	62.209.895.450	3.563.329.779
Hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án khu đô thị Nam Minh Phương (*)	55.410.802.168	-
Hỗ trợ mở nút giao thông vào khu đô thị Minh Phương (*)	1.700.000.000	-
Kinh phí hoàn chỉnh quy hoạch khu đô thị sinh thái huyện Phù Ninh (*)	3.446.923.000	-
Phải trả khác	1.652.170.282	3.563.329.779

(*) Các khoản kinh phí hỗ trợ này được trích nguồn từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần LICOGI 14 ngày 30/06/2020 tổng số tiền 61.579.402.168 VND. Tổng kinh phí còn lại chưa sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 60.557.725.168 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN/HN

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 34 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

25 VỐN CHỦ SỞ HỮU

BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đồng không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	149.991.800.000	15.707.119.000	(2.000.000)	26.913.865.014	130.134.748.868	2.006.806.259	324.752.339.141
Tăng trong năm trước	34.827.500.000	-	-	7.990.307.386	79.842.698.764	132.609.385	122.793.115.535
Tăng vốn trong năm trước	34.827.500.000	-	-	-	-	-	34.827.500.000
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	79.842.698.764	132.609.385	79.975.308.149
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	7.990.307.386	-	-	7.990.307.386
Giảm trong năm trước	-	-	-	-	64.648.192.357	13.260.938	64.661.453.295
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	64.648.192.357	13.260.938	64.661.453.295
Số cuối năm trước	184.819.300.000	15.707.119.000	(2.000.000)	34.904.172.400	145.329.255.275	2.126.154.706	382.884.001.381
Số đầu năm nay	184.819.300.000	15.707.119.000	(2.000.000)	34.904.172.400	145.329.255.275	2.126.154.706	382.884.001.381
Tăng trong năm	59.136.370.000	-	-	3.582.704.136	34.872.253.792	230.958.496	97.822.286.424
Tăng vốn trong năm	59.136.370.000	-	-	-	-	-	59.136.370.000
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	34.872.253.792	230.958.496	35.103.212.288
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	3.582.704.136	-	-	3.582.704.136
Giảm trong năm	-	15.707.119.000	-	-	118.166.196.379	129.183.358	134.002.498.737
Giảm vốn trong năm	-	15.707.119.000	-	-	-	-	15.707.119.000
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	118.166.196.379	129.183.358	118.295.379.737
Số cuối năm	243.955.670.000	-	(2.000.000)	38.486.876.536	62.035.312.688	2.227.929.844	346.703.789.068

CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cổ phần	Tỷ lệ	Số cổ phần	Tỷ lệ
Tổng Công ty LICOGI - CTCP	6.328.590	25,94%	4.794.388	25,94%
Ông Phạm Gia Lý	1.725.749	7,07%	1.107.386	5,99%
Bà Nguyễn Thúy Ngự	1.213.467	4,97%	919.294	4,97%
Vốn góp của các đối tượng khác	15.127.761	62,01%	11.660.862	63,09%
Cộng	24.395.567	100%	18.481.930	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN/HN

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 34 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

25 VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ CHIA CỐ TỨC, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

25.a Vốn góp của chủ sở hữu	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Số đầu năm	184.819.300.000	149.991.800.000
Tăng trong năm	59.136.370.000	34.827.500.000
Tăng vốn chủ sở hữu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	21.254.241.000	-
Tăng vốn chủ sở hữu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần	15.707.119.000	-
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	22.175.010.000	31.798.850.000
Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty	-	3.028.650.000
Số cuối năm	243.955.670.000	184.819.300.000

25.b Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

25.b Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Số đầu năm	145.329.255.275	130.134.748.868
Tăng trong năm	34.872.253.792	79.842.698.764
Lợi nhuận tăng trong năm	34.872.253.792	79.842.698.764
Giảm trong năm	118.166.196.379	64.648.192.357
Phân phối lợi nhuận năm trước (*)	111.106.875.615	48.679.652.604
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 12%)	22.175.010.000	31.798.850.000
Trích quỹ đầu tư phát triển (**)	53.043.754	6.037.510
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (**)	4.045.178.693	16.874.765.094
Tăng vốn chủ sở hữu	21.254.241.000	-
Trích kinh phí an sinh, xã hội, nhân đạo, từ thiện	2.000.000.000	-
Trích nguồn tài trợ lập quy hoạch khu đô thị sinh thái thị trấn huyện Phù Ninh	4.000.000.000	-
Trích nguồn hỗ trợ kinh phí mở nút giao thông vào khu đô thị Minh Phương	2.000.000.000	-
Trích nguồn hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án bất động sản Nam Minh Phương	55.579.402.168	-
Tạm phân phối lợi nhuận năm nay	7.059.320.764	15.968.539.753
Trích quỹ đầu tư phát triển	3.529.660.382	7.984.269.876
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	3.529.660.382	7.984.269.877
Số cuối kỳ	62.035.312.688	145.329.255.275

(*) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần LICOGI 14 ngày 30/06/2020.

(**) Trích bổ sung chênh lệch giữa số trích lập Đại hội đồng cổ đông thông qua và số tạm trích trong năm 2019.

25.c Cổ phiếu

25.c Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
	cổ phiếu	cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.395.567	18.481.930
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.395.567	18.481.930
Cổ phiếu phổ thông	24.395.567	18.481.930
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	200	200
Cổ phiếu phổ thông	200	200
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.395.367	18.481.730
Cổ phiếu phổ thông	24.395.367	18.481.730
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/ cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN/HN

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 34 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

26 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nợ khó đòi đã xử lý	1.856.087.824	1.856.087.824
Cộng	1.856.087.824	1.856.087.824

27 DOANH THU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	116.784.692.407	256.881.276.805
Doanh thu bán xăng dầu và vật liệu xây dựng	38.348.196.406	50.720.694.525
Doanh thu bán bê tông thương phẩm	1.942.153.348	3.407.673.630
Doanh thu kinh doanh bất động sản	54.229.846.288	176.142.743.805
Doanh thu hợp đồng xây dựng	22.264.496.365	26.610.164.845
Các khoản giảm trừ	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	116.784.692.407	256.881.276.805

28 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của xăng dầu, vật liệu xây dựng đã bán	35.768.445.033	47.496.269.740
Giá vốn của bê tông thương phẩm đã bán	1.829.288.476	3.215.305.127
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản	9.724.015.935	54.742.757.587
Giá vốn hợp đồng xây dựng	21.283.421.889	24.977.981.307
Cộng	68.605.171.333	130.432.313.761

29 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	17.588.140.395	17.183.958.724
Cộng	17.588.140.395	17.183.958.724

30 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	375.906.842	826.163.019
Cộng	375.906.842	826.163.019

31 CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí bán hàng	15.288.949.047	29.374.153.820
Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí bán hàng	13.820.760.518	28.000.052.459
<i>Chi phí bán hàng dự án khu đô thị Minh Phương</i>	<i>9.353.869.715</i>	<i>24.201.435.055</i>
<i>Chi phí lương và các khoản trích theo lương</i>	<i>4.466.890.803</i>	<i>3.798.617.404</i>
Các khoản chi phí bán hàng khác	1.468.188.529	1.374.101.361

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN/HN

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 34 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

30 CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	9.467.661.604	13.589.664.809
Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí quản lý doanh nghiệp	7.468.080.913	11.211.111.947
<i>Chi phí lương và các khoản trích theo lương</i>	<i>6.112.691.104</i>	<i>5.279.270.006</i>
<i>Khấu hao tài sản cố định</i>	<i>538.074.695</i>	<i>850.596.300</i>
<i>Thuế, phí và lệ phí</i>	<i>501.152.433</i>	<i>463.721.916</i>
<i>Dự phòng phải thu khó đòi</i>	<i>316.162.681</i>	<i>4.617.523.725</i>
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.999.580.691	2.378.552.862

32 LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	337.636.364	168.000.000
Thu nhập khác	66.000	-
Thu nhập khác	337.702.364	168.000.000
Phạt vi phạm hành chính	100.000.000	4.849.350
Tiền chậm nộp thuế	2.915.564	-
Lãi chậm nộp	-	834.597
Chi phí khác	102.915.564	5.683.947
Lợi nhuận khác	234.786.800	162.316.053

33 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Hoạt động kinh doanh bất động sản	Hoạt động kinh doanh khác	Tổng cộng
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (1)	29.739.958.765	11.129.972.011	40.869.930.776
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán			
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (2)</i>	-	<i>320.915.564</i>	<i>320.915.564</i>
Phạt vi phạm hành chính và lãi chậm nộp	-	102.915.564	102.915.564
Thù lao HĐQT không tham gia điều hành	-	218.000.000	218.000.000
<i>Các khoản điều chỉnh giảm (3)</i>	-	-	-
Tổng lợi nhuận tính thuế (4)=(1)+(2)-(3)	29.739.958.765	11.450.887.575	41.190.846.340
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (5)	20%	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (6)=(4)*(5)	5.947.991.753	2.290.177.515	8.238.169.268
Số thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm theo Nghị định số 114/2020/NĐ-CP (7)=(6)*30%	1.784.397.525	687.053.255*	2.471.450.780
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này (8)=(6)-(7)	4.163.594.228	1.603.124.260	5.766.718.488
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp từ hoạt động kinh doanh bất động sản (9)	2.011.094.624	-	2.011.094.624
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (10)=(8)+(9)	6.174.688.852	1.603.124.260	7.777.813.112

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN/HN

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 34 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

34 CHI PHÍ/(THU NHẬP) THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí/(Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ từ khoản người mua trả tiền trước mua đất nền Dự án Khu đô thị Minh Phương nhưng chưa bàn giao tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán	(2.011.094.624)	8.067.139.650
Cộng	(2.011.094.624)	8.067.139.650

35 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp (1)	34.872.253.792	79.842.698.764
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (2a)</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm (2b) (*)</i>	3.529.660.382	12.029.448.570
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (3=1+2a-2b)	31.342.593.410	67.813.250.194
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (4)	20.296.525	16.129.679
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (5=3/4)	1.544	4.204

(*) Là số tạm phân phối lợi nhuận năm 2020 với tỷ lệ 10% lợi nhuận sau thuế vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi.

Không có sự tác động của các công cụ trong tương lai có thể được chuyển đổi thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu, bao gồm: Quyền chọn mua chứng quyền và các công cụ tương đương; công cụ tài chính có thể chuyển đổi; cổ phiếu phổ thông phát hành có điều kiện; hợp đồng được thanh toán bằng cổ phiếu phổ thông hoặc bằng tiền; các quyền chọn đã được mua; quyền chọn bán đã phát hành... nên không có dấu hiệu cho thấy lãi suy giảm trên cổ phiếu sẽ nhỏ hơn lãi cơ bản trên cổ phiếu.

36 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	14.040.724.215	29.425.269.361
Chi phí nhân công	21.170.838.166	21.525.685.860
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.465.282.651	2.622.244.813
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.485.298.996	4.423.054.222
Chi phí khác	3.179.118.206	7.592.548.817
Cộng	52.341.262.234	65.588.803.073

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN/HN

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 34 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

37 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số 4.22.

	Giá trị ghi sổ Số cuối năm VND	Giá trị ghi sổ Số đầu năm VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	96.779.627.586	20.386.457.908
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	208.660.000.000	259.438.000.000
Phải thu của khách hàng	22.028.828.553	9.240.704.626
Phải thu khác	20.116.049.210	14.773.626.718
Cộng	347.584.505.349	303.838.789.252
Nợ tài chính		
Phải trả người bán	5.671.959.665	8.961.428.754
Phải trả khác	62.268.503.841	3.590.923.649
Vay và nợ thuê tài chính	2.750.000.000	11.389.209.900
Cộng	70.690.463.506	23.941.562.303

Công ty trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính theo giá trị hợp lý. Công ty đã trình bày giá trị hợp lý của công cụ tài chính theo hướng dẫn về thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính tại một số thuyết minh ở phần trên.

38 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan:

	Mối quan hệ	Năm nay Cổ phiếu	Năm trước Cổ phiếu
Trả cổ tức bằng cổ phiếu			
Tổng Công ty LICOGI - CTCP	Cổ đông lớn	575.326	832.082
Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát		185.989	249.483
Cổ phiếu thưởng			
Tổng Công ty LICOGI - CTCP	Cổ đông lớn	958.876	-
Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát		309.954	201.000
Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát		-	-
		VND	VND
Lương, thưởng và các khoản phụ cấp		3.839.286.673	1.686.685.423
Cộng		3.839.286.673	1.686.685.423

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN/HN

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 34 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

39 THÔNG TIN KHÁC

Tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng theo Giấy chứng nhận chào bán số 09/GCN-UBCK ngày 07/02/2018 của UBCK:

a. Phương án sử dụng vốn:

Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán là 89,9 tỷ đồng được sử dụng để:

- Mua máy móc thiết bị: 9,9 tỷ đồng (trong đó mua xe bơm bê tông thương phẩm 90 m³/h là 6,3 tỷ đồng, mua ô tô trộn bê tông tươi 9 m³ là 2,2 tỷ đồng và mua máy đào bánh lốp là 1,4 tỷ đồng);
- Xây dựng dự án Kiot dịch vụ thương mại thuộc Khu đô thị Minh Phương: 20 tỷ đồng;
- Giải phóng mặt bằng Dự án Khu đô thị Nam Minh Phương: 60 tỷ đồng.

b. Tiến độ sử dụng vốn tính đến ngày 31/12/2020:

- Mua máy móc thiết bị: Công ty đã sử dụng 2,252 tỷ đồng để mua xe bơm bê tông thương phẩm 90 m³/h (giá trị xe 7,752 tỷ đồng trong đó 2,252 tỷ đồng từ tiền thu được từ đợt phát hành và 5,5 tỷ đồng vay lãi suất ưu đãi 8% từ Ngân hàng Đầu tư phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ).
- Xây dựng dự án Kiot dịch vụ thương mại thuộc Khu đô thị Minh Phương: Số tiền lũy kế Công ty sử dụng để đầu tư xây dựng kiot dịch vụ thương mại Khu đô thị Minh Phương (tên thương mại là dự án xây dựng khu kinh doanh dịch vụ thương mại LICOGI 14 Plaza) tính đến ngày 31/12/2020 là 27,779 tỷ đồng. Trong đó sử dụng nguồn vốn từ đợt phát hành 20 tỷ đồng, số còn lại 7,779 tỷ đồng từ vốn tự có của Công ty.
- Giải phóng mặt bằng Dự án Khu đô thị Nam Minh Phương: Ngày 11/06/2020, UBND tỉnh Phú Thọ có Quyết định số 1247/QĐ-UBND phê duyệt Liên danh nhà đầu tư Công ty Cổ phần LICOGI 14 và Công ty Cổ phần LICOGI 16 trúng thầu dự án Khu đô thị mới Nam Minh Phương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Ngày 21/07/2020, Liên danh Công ty Cổ phần LICOGI 14 và Công ty Cổ phần LICOGI 16 đã ký kết hợp đồng dự án có sử dụng đất số 01/2020/HĐDA về việc triển khai thực hiện dự án Khu đô thị mới Nam Minh Phương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Hiện nay, dự án đã thành lập Hội đồng đền bù giải phóng mặt bằng, đang tiến hành thông báo thu hồi đất đến các hộ dân, kê khai, kiểm đếm, sau đó tiến hành họp dân, áp giá, trình phê duyệt phương án đơn giá đền bù giải phóng mặt bằng và tiến hành chi trả. Dự kiến thời gian bắt đầu giải ngân chi phí giải phóng mặt bằng từ quý I/2021, giá trị bồi thường thay đổi theo thực tế triển khai dự án.

40 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 của Công ty Cổ phần LICOGI 14 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt - Chi nhánh Hà Nội.

Phú Thọ, ngày 03 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Nga

Kế toán trưởng



Hà Văn Lợi

